

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN



*Vững bước cùng bạn*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2019-2020

# MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG.</b>	Trang
1.	Thông tin khái quát.	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển.	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	6
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	6
5.	Định hướng phát triển.	7
6.	Các rủi ro.	8
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.</b>	
1.	Tình hình hoạt động kinh doanh.	10
2.	Tổ chức và nhân sự.	14
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	16
4.	Tình hình tài chính	16
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	16
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường	18
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.</b>	
1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.	20
2.	Tình hình tài chính.	23
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	27
4.	Kế hoạch phát triển.	27
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.</b>	
1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.	29
2.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.	30
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY.</b>	
1.	Hội đồng Quản trị.	31
2.	Ban kiểm soát.	34
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát.	38
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH.</b>	
1.	Ý kiến kiểm toán.	49
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.	50

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên Giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 09/7/2015.
- Vốn Điều lệ: 112.914.590.000 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính: 146 E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.8) 39 979 292 – 39 979 393
- Số Fax: (84.8) 39 979 555
- Website: www.sfc.com.vn.
- Mã cổ phiếu: **SFC**

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

#### a. Việc thành lập Công ty:

Tiền thân là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1975 với chức năng nhiệm vụ chính là đảm bảo phân phối các mặt hàng chất đốt trên địa bàn thành phố. Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp nhà nước, Công ty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC), có vốn điều lệ 17 tỷ đồng.

#### b. Niêm yết:

Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho niêm yết tại Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21/09/2004 theo Quyết định số 31/GPPH.

#### c. Thời gian các mốc sự kiện quan trọng từ khi thành lập đến nay:

**2000** Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp Nhà Nước, Công Ty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những DN đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC).

**2001** Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều năm qua đã xây dựng được uy tín thương hiệu SFC trên thị trường xăng dầu thành phố và đưa đến một sự kiện đặc biệt là việc ký kết “*Hợp Đồng trao quyền ưu tiên lựa chọn cung ứng nhiên liệu*” giữa Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn với Công ty TNHH BP Oil International vào ngày 20/12/2001.

**2004** Công Ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn chính thức tham gia sàn giao dịch chứng khoán ngày 21/09/2004 (tại Trung tâm GDCK TP.HCM nay là Sở Giao Dịch CK TP.HCM), chỉ sau 4 năm cổ phần hóa, với mã giao dịch là SFC, là 1 trong 20 doanh nghiệp lên sàn đầu tiên của Thành Phố.

**2007** Vốn điều lệ Công ty vào ngày đầu thành lập là 17 tỷ đồng (01/10/2000), trong đó vốn Nhà nước chiếm 20% do Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA – tiền thân là Sở Thương Nghiệp TP. HCM nắm giữ).

Thực hiện chỉ đạo của Ủy Ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh (văn bản số 7518/UBND-CNN), vào ngày 06/12/2007, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn đã chuyển phần vốn Nhà Nước đang nắm giữ sang Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP. HCM (SAIGON PETRO) – Đơn vị trực thuộc Ban Tài chính Quản trị Thành Ủy nay là Cơ quan Văn Phòng Thành Ủy TP. HCM và là doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu có uy tín trên thị trường xăng dầu cả nước.

Ngoài ra, trong năm 2007, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **17 tỷ đồng lên 34 tỷ đồng**, đem lại gần 25 tỷ đồng vốn thặng dư; đồng thời tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú (Công ty con) từ 7,9 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng.

**2009** Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn đã hoàn thành 2 đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **34 tỷ đồng lên 45,9 tỷ đồng** (ngày 12/05/2009) và lên **81 tỷ đồng** (ngày 11/12/2009); đồng thời tăng vốn điều lệ cho Cty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú từ **10 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng**.

**2010** Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn tiếp tục phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **81 tỷ đồng lên 102,7 tỷ đồng** (vào tháng 07/2010).

Như vậy, chỉ trong 4 năm gần đây, vốn điều lệ Công ty đã tăng một cách nhanh chóng, từ 17 tỷ đồng lên 102,704 tỷ đồng, **tăng gấp 6 lần** (604,11%). Vốn điều lệ của Công ty con cũng tăng nhanh tương tự: Từ 5,05 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng, **tăng 3,6 lần** (356,43%).

Cũng trong năm 2010, Công ty thành lập mới Chi Nhánh SFC Đồng Tháp gồm 2 Trạm Kinh doanh Xăng dầu số 22 và 23 tại thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

Suốt chặng đường xây dựng và phát triển, nhiều thế hệ lãnh đạo và nhân viên Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn đã nỗ lực không ngừng để Công ty vững bước đi lên, khẳng định thương hiệu SFC trên thị trường, được Đảng và Nhà Nước tặng nhiều phần thưởng cao quý, mà phần thưởng vinh dự nhất đánh dấu Lễ kỷ niệm 35 năm ngày

thành lập Công ty và 10 năm cổ phần hóa là Công ty được Chủ tịch Nước phong tặng Huân Chương Lao Động Hạng Nhì vào tháng 09/2010.

**2011** Ngày 26/02/2011 Công ty khởi công xây dựng Cao ốc Văn Phòng Công ty tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận với qui mô 6 tầng, tổng diện tích xây dựng 1.454 m<sup>2</sup>; đồng thời Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ vốn Công ty con - Công ty TNHH một thành viên Chế biến gỗ Tân Phú kể từ tháng 11/2011.

**2012** Ngày 17/01/2012 Công ty đã làm Lễ động thổ và khởi công xây dựng Siêu thị Co.opmart Bình Triệu tại 68/1 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức với quy mô 02 tầng, tổng diện tích xây dựng 6.597,74m<sup>2</sup>; đồng thời trong năm đã chính thức đưa Cao ốc Văn Phòng Công ty “SFC Building” tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận vào hoạt động.

**2013** Tháng 07/2013 Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 102,7 tỷ đồng lên 112,9 tỷ đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu. Như vậy, sau 12 năm cổ phần, vốn điều lệ Công ty đã tăng từ 17 tỷ đồng lên 112,9 tỷ đồng, tăng gấp 6,64 lần (664,11%).

Ngày 28/6/2013 dự án hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn và Liên hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) đã chính thức Khai Trương Siêu Thị Co.opmart Bình Triệu tại 68/1 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức; đồng thời trong năm Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng 2 CHXD số 9 và CHXD số 13 vào cuối tháng 12/2013.

Ngày 20/12/2013 Công ty đã liên kết với Ngân hàng VietinBank và MasterCard khai trương dịch vụ thanh toán xăng dầu bằng thẻ MasterCard tại CHXD số 4 và đây là điểm chấp nhận thẻ đầu tiên của MasterCard trong ngành bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam. dầu tại Việt Nam.

**2014** Trong năm, Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng CHXD số 21 và CHXD số 6. Đồng thời, được giấy chứng nhận là Công ty đạt thứ hạng cao nhất trong nhóm ngành thương mại về chỉ số hiệu quả kinh doanh tốt nhất trong chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp năm 2014.

**2015** Công ty đã vinh dự đón nhận cờ truyền thống của Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM trao tặng nhân Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập (1975-2015).

**2016** Trong năm, Công ty đã triển khai kinh doanh dầu nhớt thương hiệu Revotec (Công ty CP dầu nhớt STS) trên tất cả các CHXD và đưa ngành hàng dầu nhớt vào hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Đồng thời, đã tiến hành cải tạo mới và đưa vào sử dụng CHXD số 12 và CHXD số 04.

**2017** Công ty đã cải tạo, xây dựng mới và đưa vào sử dụng Cửa hàng xăng dầu số 20, đồng thời xây dựng và làm mới toàn bộ hệ thống nhận diện các CHXD; hệ thống các cửa hàng rửa xe, kinh doanh dầu nhớt tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty và phù hợp các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước.

**2018** Công ty đã đầu tư mới thêm 02 xe bồn với dung tích mỗi xe là 28m<sup>3</sup>, nâng tổng số xe bồn toàn Công ty lên 05 xe nhằm chủ động và đảm bảo việc điều phối hàng hóa kịp thời cho các Cửa hàng xăng dầu. Lắp đặt Thiết bị in chứng từ cho cột đo xăng dầu toàn Công ty theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BKHHCN ngày 25/8/2015.

**2019** Công ty đã thực hiện cải tạo, xây dựng mới và đưa vào sử dụng Cửa hàng xăng dầu số 17 và số 3, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, góp phần làm tăng sản lượng bán ra.

**2020** Công ty đã tiến hành bán thanh lý toàn bộ 05 xe bồn vận chuyên xăng dầu (02 xe có dung tích 28m<sup>3</sup>, 03 xe có dung tích 21m<sup>3</sup>).

## **1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

### **a. Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh các mặt hàng: xăng, dầu, nhớt, mỡ, dịch vụ rửa, giữ xe các loại; vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu thương mại, xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà ở để bán hoặc cho thuê)
- Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kho bãi, nhà xưởng; cho thuê văn phòng, căn hộ cao cấp;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ; dịch vụ uỷ thác và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản.

### **b. Địa bàn kinh doanh:**

Các Cửa hàng XD, kho bãi, nhà xưởng ... của Công ty nằm rải rác trên các Quận, Huyện thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

## **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

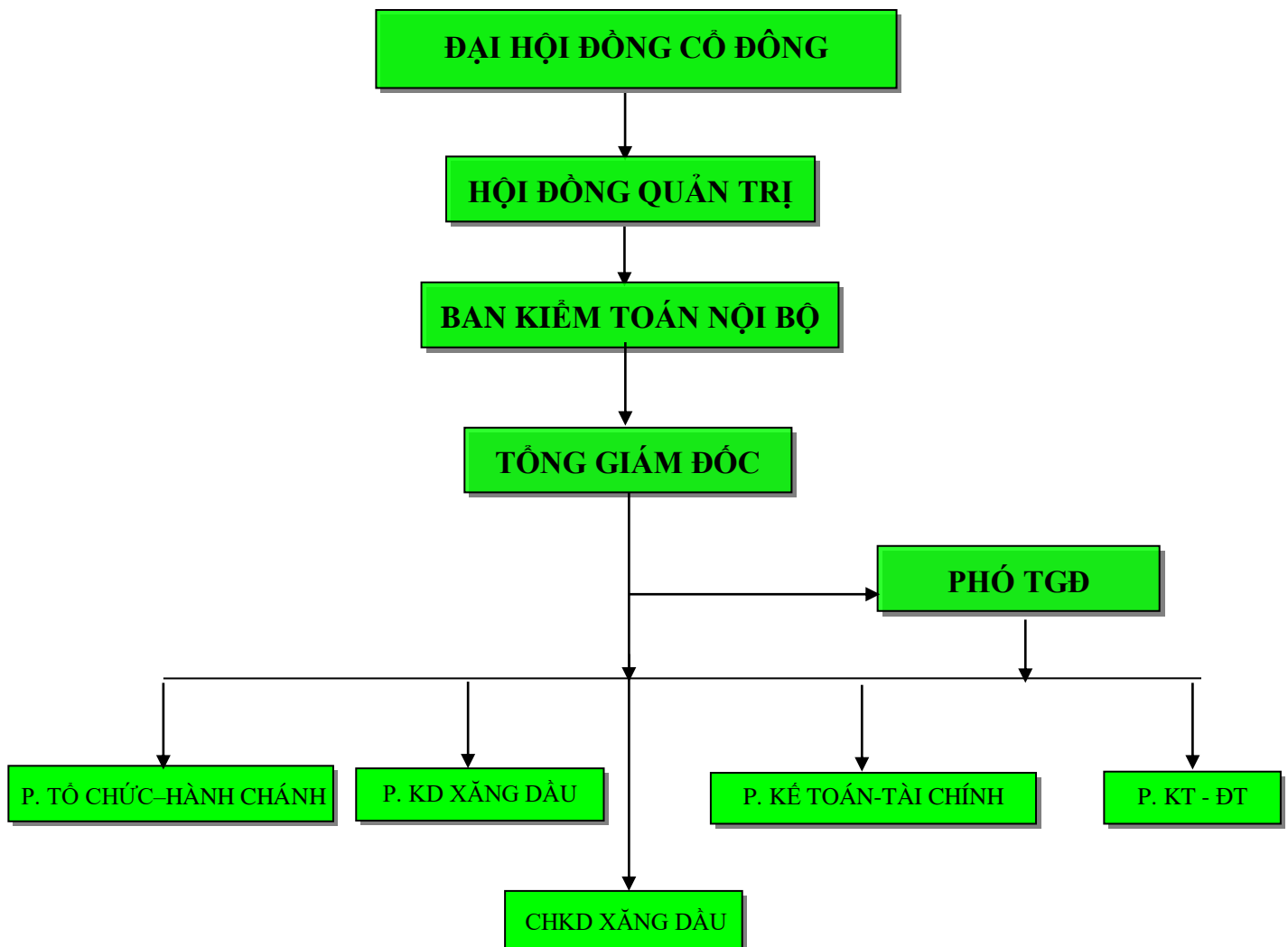
### **a. Mô hình quản trị:**

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. HĐQT có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ KD và đầu tư; bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT và các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và điều lệ.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 5 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ; có toàn quyền

nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Tổng Giám Đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm kỳ 3 năm. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết nghị, quyết định của HĐQT.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Trưởng các đơn vị nghiệp vụ chức năng để giải quyết các công việc cụ thể.

**b. Sơ đồ tổ chức:**



**5. Định hướng phát triển:**

Với dự báo tình hình kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng tăng trưởng ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh trong nước ngày càng được cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát.. tuy nhiên sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức tác động

đến kinh tế nước ta, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty đã xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

a. **TẦM NHÌN**: Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Sài Gòn - SFC là Công ty phát triển bền vững và hiệu quả, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những công ty kinh doanh xăng dầu hàng đầu tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

b. **SỨ MỆNH**: SFC mang lại sự hài lòng cho khách hàng thông qua sản phẩm và dịch vụ đạt chất lượng cao; cam kết mang lại giá trị cao nhất và sự thịnh vượng cho cổ đông và cán bộ - nhân viên công ty; đồng thời đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

c. **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**:

- Tuân thủ: Pháp luật, nội quy và các quy định, quy trình, quy chế... của Công ty.
- Trung thực: Với khách hàng, đối tác, Công ty và những người xung quanh.
- Chuyên nghiệp: Chuyên tâm và tận lực với công việc để tạo hiệu quả cao nhất.

d. **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Xăng dầu đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống của con người nhưng trong quá trình phân phối, xăng dầu ít nhiều đã gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của con người và đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh nơi mà nhu cầu tiêu thụ xăng dầu rất lớn. Với tác hại do xăng dầu gây ra và trong khả năng của mình, Công ty đã đề ra những giải pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng như: Thực hiện báo cáo giám sát môi trường, lập sổ chủ nguồn thải, thu gom chất thải nguy hại, lập phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cho các Cửa hàng XD theo quy định; Thực hiện Chương trình 5S; Triệt để sử dụng hệ thống thu hồi hơi tại các Cửa hàng XD; Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại cho người lao động; Khám sức khỏe định kỳ và khám chữa bệnh nghề nghiệp cho nhân viên bán hàng. CBNV được cấp giấy chứng nhận tham gia các lớp huấn luyện về: bồi dưỡng nghiệp vụ XD, an toàn vệ sinh lao động, PCCC, bảo vệ môi trường... của các cơ quan đơn vị có chức năng đào tạo theo quy định.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty cũng rất quan tâm đến các hoạt động cộng đồng như: xây dựng quỹ tương trợ, quỹ học bổng “Nguyễn Đức Cảnh” nhằm hỗ trợ, giúp đỡ cho CBNV; hằng năm tổ chức trao học bổng cho con CBNV học giỏi, nhận và nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh Hùng trong hơn 20 năm qua; vận động CBCNV đóng góp tổ chức trao quà cho học sinh nghèo, gia đình chính sách, trẻ khuyết tật, mồ côi gặp khó khăn nơi xa xôi hẻo lánh.... Những nội dung trên cũng là một trong những mục tiêu chiến lược của Công ty trong quá trình hoạt động nhằm góp phần đưa Công ty phát triển bền vững và lâu dài, đồng thời thể hiện tinh thần tương thân



tương ái của dân tộc và nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động đối với cộng đồng xã hội.

## **6. Các rủi ro:**

### **a. Rủi ro kinh tế:**

Dịch bệnh do chủng mới của virus corona (nCoV) gần đây càng làm lung lay niềm tin của giới kinh doanh và gia tăng những thách thức, khó khăn mà nền kinh tế phải đối mặt. Hệ quả sẽ không chỉ ảnh hưởng đến du lịch, hàng không, mà hoạt động sản xuất có thể trì trệ, thương mại dịch vụ bị hạn chế, kéo tiếp ảnh hưởng xấu lên các ngành nông nghiệp, bán lẻ và dòng vốn đầu tư quốc tế. Công suất sử dụng máy móc thiết bị giảm do tình trạng đóng cửa nhà máy.

Sự phát triển ngành xăng dầu gắn chặt vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung và những chính sách kinh tế điều tiết cho ngành nói riêng. Kinh tế phát triển nhanh sẽ làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng cá nhân cũng như của cả xã hội và ngược lại. Theo báo cáo tình hình kinh tế- xã hội của Chính phủ tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 là 5,4%, năm 2014 là 5,98%, năm 2015 là 6,68%, năm 2016 là 6,21%, năm 2017 GDP đạt 6,81%, năm 2018 GDP đạt 7,08%, năm 2019 GDP đạt 7,02% và 9 tháng năm 2020 GDP đạt 6,69% đây là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua cho thấy sự phát triển nền kinh tế đang chiều hướng dần suy thoái. Trong khi, nền kinh tế trong nước vẫn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như chất lượng tăng trưởng, bội chi ngân sách, năng suất lao động thấp, thiên tai xảy ra nhiều và liên tục đã ảnh hưởng đáng kể đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống nhân dân.

Trong tình hình đó, Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh của mình và thực hiện một số biện pháp như: Xây dựng, cải tạo nâng cấp các Cửa hàng XD hiện hữu, đầu tư trang thiết bị mới, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng, tiết giảm chi phí... tổ chức và mở rộng mạng lưới kinh doanh ngành hàng nhớt, hợp tác với đơn vị rửa xe thông minh, nhằm tăng lợi nhuận và thuận tiện cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ trong hệ thống của SFC.

### **b. Rủi ro thị trường:**

Dịch Covid-19 làm giảm tổng cầu thị trường dầu mỏ thế giới, làm đổ vỡ các hợp đồng kinh tế; thu hẹp hoặc làm mất đi cơ hội kinh doanh vi mô và vĩ mô; tăng rủi ro cho cổ phiếu và trái phiếu của cả các doanh nghiệp to, nhỏ ở cả nước phát triển hay nước đang phát triển, không phân biệt thể chế chính trị và mô hình kinh doanh. Đại dịch Covid 19 cũng làm giá dầu và giá vàng thế giới diễn biến thất thường theo hướng ngược nhau. Giá dầu khó tăng vì cung vượt cầu, trong khi giá vàng luôn ở mức cao nhất từ trước đến nay...

Ngành xăng dầu, xét từ nhiều góc độ, là một ngành hàng quan trọng mà cho đến nay vẫn chịu sự quản lý trực tiếp của Nhà nước, nguồn cung cấp xăng dầu của Việt Nam phụ thuộc vào nhập khẩu nên giá xăng dầu sẽ thay đổi theo giá xăng dầu trên thị trường thế giới. Kinh tế thế giới duy trì và khó khăn trong nửa đầu năm 2020, sau đó

đã xuất hiện những diễn biến phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Kinh tế - xã hội nước ta 3 tháng cuối năm 2019 và 9 tháng năm 2020 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung diễn biến khó lường, không có thỏa thuận và bất ổn chính sách gia tăng trên toàn cầu, niềm tin kinh doanh và tâm lý thị trường tài chính giảm sút, thương mại và đầu tư thế giới giảm. Các tổ chức quốc tế liên tục đưa ra dự báo thiếu lạc quan về tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2020.

Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển Công ty đã phát huy những thế mạnh của mình mở rộng kinh doanh, đa dạng hóa các hình thức như hoạt động bán phiếu cung ứng xăng dầu trực tiếp và online cho khách hàng, đồng thời tiết kiệm chi phí, không ngừng xây dựng, phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp nhằm phục khách hàng một cách tốt nhất.

### **c. Rủi ro pháp luật:**

Từ một doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Nhiên Liệu Sài Gòn chịu sự điều chỉnh và chịu ảnh hưởng của các luật, nghị định, thông tư hướng dẫn... liên quan đến công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, rủi ro về việc sửa chữa, thay đổi của các quy định từ các cơ quan quản lý Nhà nước là tất yếu và không thể tránh khỏi.

Ngoài những ảnh hưởng của pháp luật về thị trường chứng khoán và cổ phần hoá, Công ty còn phải chịu rủi ro về pháp luật liên quan tới các chính sách thuế xuất nhập khẩu, đặc biệt là thuế nhập khẩu mặt hàng nhiên liệu xăng dầu và các tiêu chuẩn về xăng dầu do Nhà nước quy định.

Việc thực hiện Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về Kinh doanh xăng dầu và thông tư 38/2014/TT-CP đã tăng cường tính cạnh tranh, công khai, minh bạch; quản lý chặt chẽ hệ thống phân phối, đảm bảo cung ứng ổn định trong hệ thống,....

Đối với Công ty để giảm thiểu rủi ro này, HĐQT và Ban điều hành thường xuyên theo dõi, phân tích, dự báo tình hình qua đó lựa chọn và đưa ra những biện pháp kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ giúp Công ty đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

### **d. Rủi ro ngành nghề:**

Ngành nghề của Công ty là kinh doanh xăng dầu, đây là ngành hàng dễ gây cháy, nổ, hỏa hoạn. Do vậy, Công ty luôn tuân thủ các quy định về công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, PCCC được triển khai và thực hiện nghiêm trong toàn hệ thống, Công ty đã thường xuyên kiểm tra hệ thống báo cháy tự động kết nối trung tâm và vận hành hệ thống chữa cháy bằng bột Foam tại các CHXD nhằm đảm bảo hệ thống luôn luôn hoạt động tốt. Đồng thời, Công ty thực hiện đào tạo nâng cao kiến thức, thực hành công tác PCCC cho toàn thể CB NV và mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

### **e. Rủi ro tín dụng:**

Là đơn vị kinh doanh bán lẻ xăng dầu, Công ty thường xuyên bán hàng trả chậm cho một số khách hàng công nghiệp, các đơn vị vận chuyển ... đa phần với hình thức tín chấp, vì vậy rủi ro từ việc khách hàng không thực hiện đúng cam kết theo những điều khoản trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính. Để hạn chế tối đa rủi ro này, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời gian nợ một cách cụ thể. Đồng thời, Ban điều hành Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro và kiên quyết chấm dứt hợp đồng đối với những khách hàng có công nợ dây dưa, không thực hiện đúng cam kết hợp đồng.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

Năm tài chính 2019-2020 của Công ty được xem là một năm vô cùng khó khăn cho cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tại Việt Nam, từ những tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, hàng loạt các ngành nghề bị ảnh hưởng nghiêm trọng; Nhà nước thực hiện việc giãn cách xã hội, nhiều doanh nghiệp ngưng hoạt động, đóng cửa, sức cầu xã hội giảm mạnh.

Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu không nằm ngoài sự ảnh hưởng nói trên. Giá dầu thế giới liên tục giảm sâu và diễn biến phức tạp, khó lường. Thị trường trong nước, giá xăng dầu được điều chỉnh 25 lần, trong đó mặt hàng Xăng RON 95 có 3 lần giữ nguyên giá, 9 lần tăng giá với tổng mức tăng là 5.190 đồng/lít và 13 lần giảm giá với tổng mức giảm 10.350 đồng/lít. Mặt hàng xăng E5 RON 92 có 3 lần giữ nguyên giá, 9 lần tăng giá với tổng mức tăng là 4.850 đồng/lít và 13 lần giảm giá với tổng mức giảm 9.750 đồng/lít. Mặt hàng Dầu Do 0,05S có 1 lần giữ nguyên giá 8 lần tăng giá với tổng mức tăng là 3.600 đồng/lít và 16 lần giảm giá với tổng mức giảm 8.680 đồng/lít.

Với nỗ lực và quyết tâm trong những năm qua tập thể CBNV Công ty đã vượt qua những khó khăn, thử thách để trưởng thành và phát triển bền vững, khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường. Sau 20 năm cổ phần hoá, SFC đã đạt được những thành công nhất định, trở thành một Công ty cổ phần kinh doanh thương mại dịch vụ đa ngành với vốn điều lệ đạt 112,9 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản tại ngày 30/9/2020 là 325.201 tỷ đồng, lợi nhuận của Công ty tương đối ổn định, Tuy nhiên năm 2019-2020 do ảnh hưởng đại dịch Covid 19 nên các chỉ tiêu tài chính có giảm hơn so với những năm trước. Nhưng thương hiệu SFC đã chiếm được lòng tin của người tiêu dùng, khẳng định được vị trí trên thị trường xăng dầu và cũng là một trong những Công ty cổ phần có giá trị cổ phiếu giao dịch tương đối ổn định trên thị trường chứng khoán..

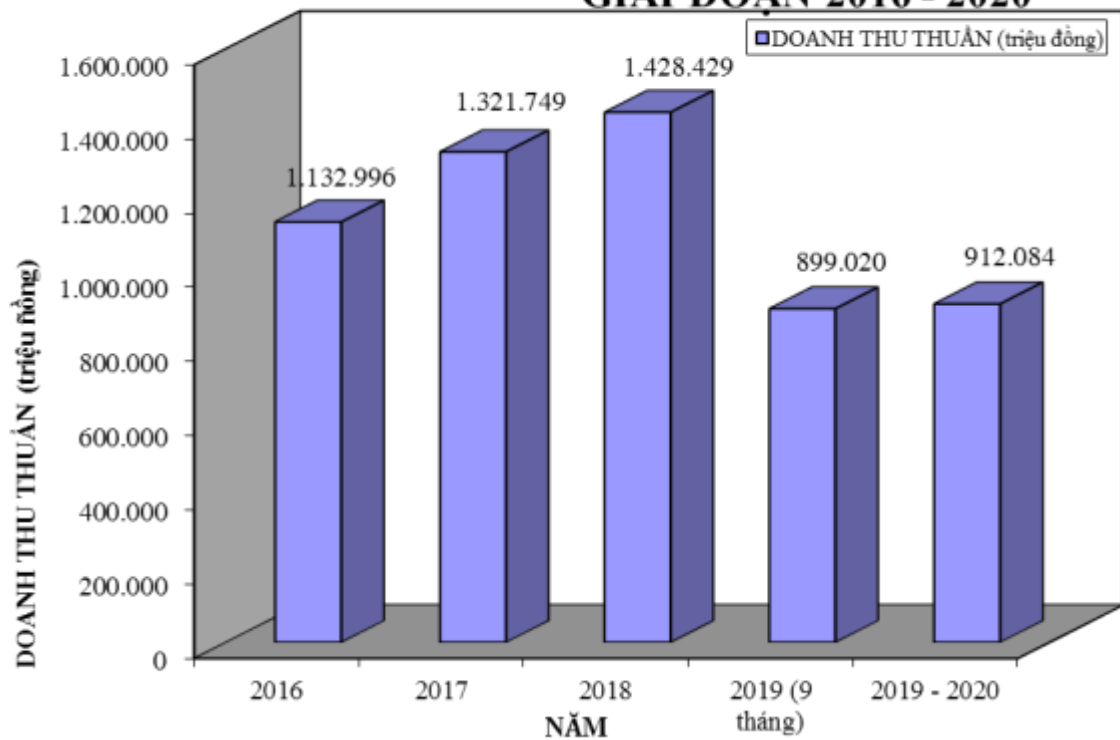
*Dvt: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019 (9 tháng)	2019 - 2020
Doanh thu thuần	1.132.996	1.321.749	1.428.429	899.020	912.084
Lợi nhuận trước thuế	54.173	39.995	39.955	30.348	28.559
Lợi nhuận sau thuế	43.181	31.834	31.695	24.165	22.717

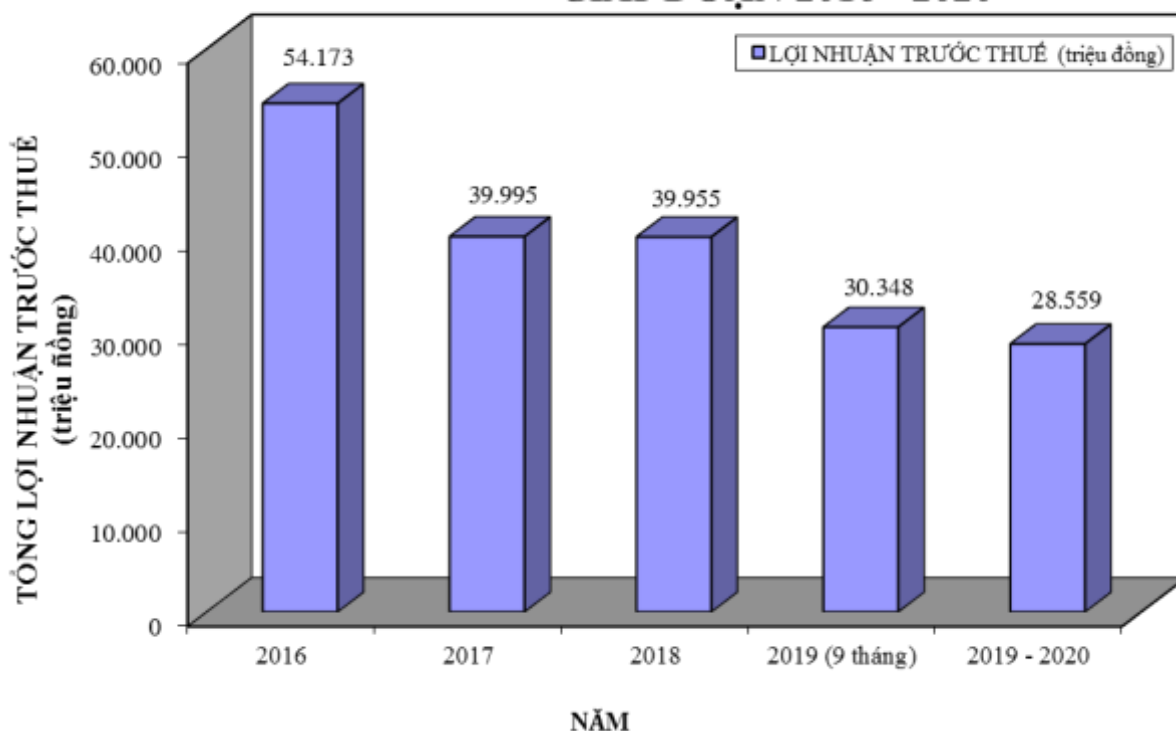
Tổng tài sản	519.328	491.770	293.273	351.822	325.201
Vốn điều lệ	112.915	112.915	112.915	112.915	112.915
Cổ tức (%)	28%	30%	30%	30%	22%

- Doanh thu thực hiện năm trước tăng/giảm so với năm sau là do giá bán lẻ xăng dầu biến động.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong 5 năm là 193.030 tỷ bình quân mỗi năm 38.606 tỷ (trong đó lợi nhuận năm 2019 là 9 tháng). Năm cao nhất là 54.173 tỷ, năm thấp nhất là 28.559 tỷ
- Cổ tức qua các năm giữ ổn định. Tuy nhiên năm 2019-2020 cổ tức có giảm do tình hình dịch bệnh Covid 19 làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

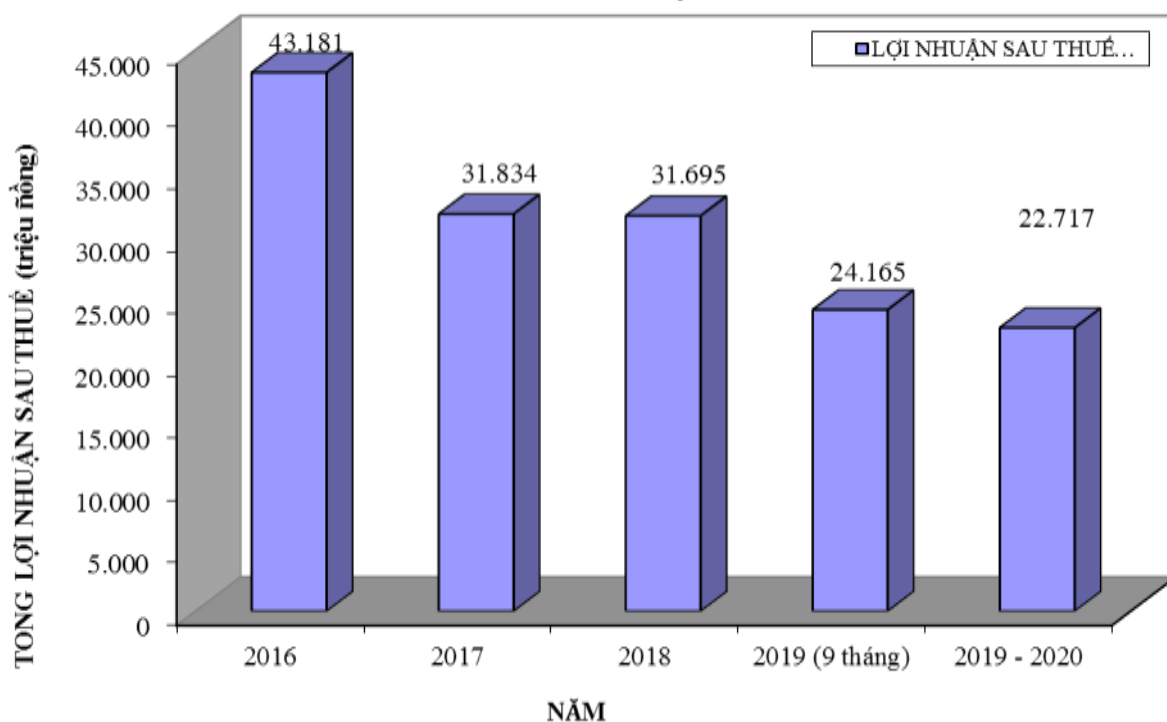
**BIỂU ĐỒ DOANH THU THUẦN CÔNG TY SFC  
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**



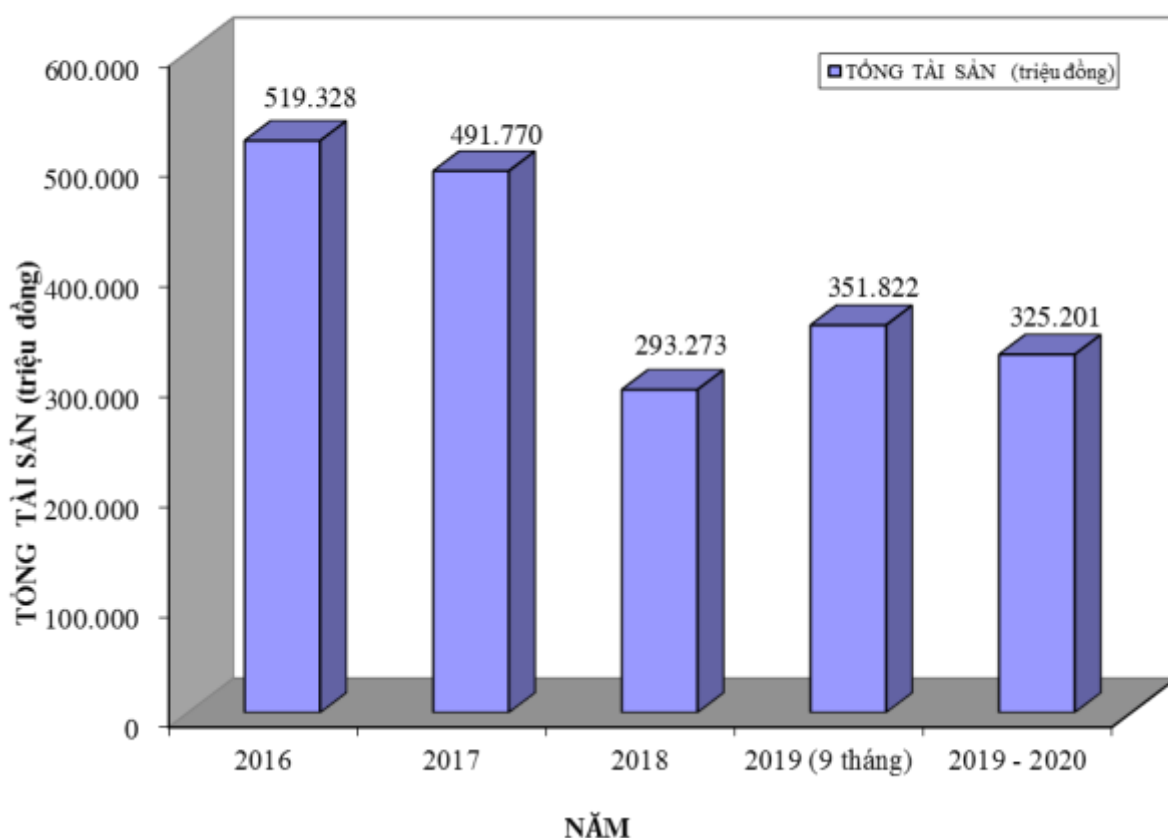
## BIỂU ĐỒ TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020



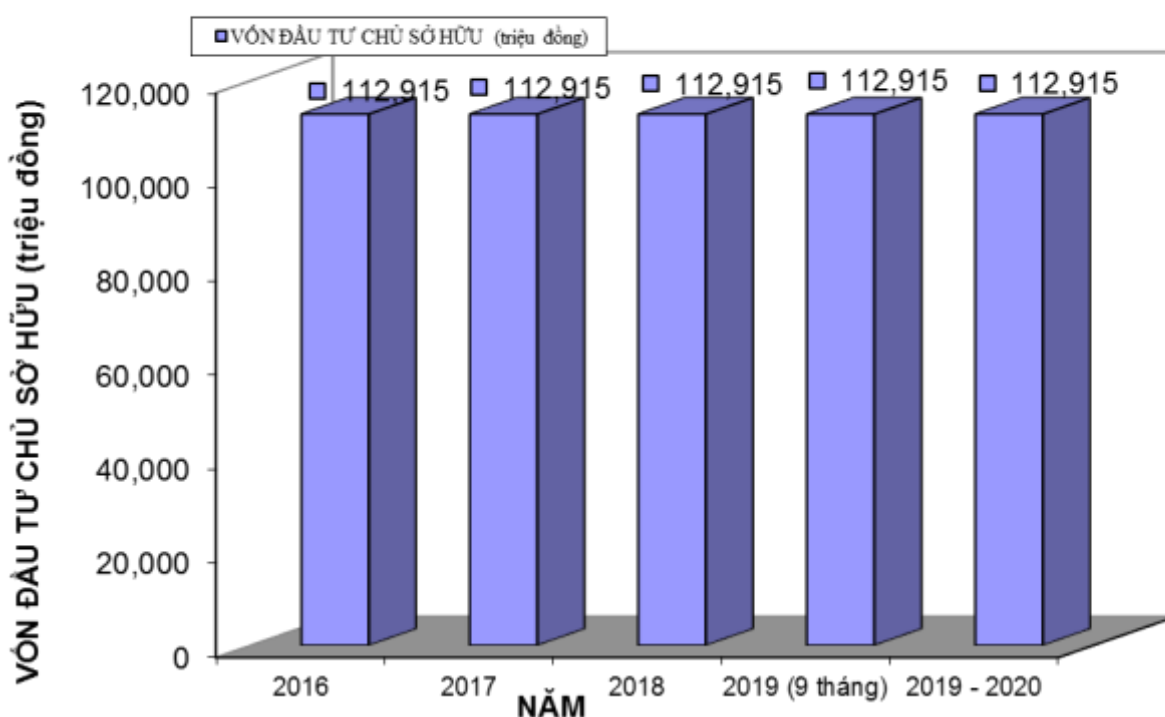
## BIỂU ĐỒ TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020



## BIỂU ĐỒ TỔNG TÀI SẢN CÔNG TY SFC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020



## BIỂU ĐỒ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY SFC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020



### 2. Tổ chức và nhân sự:

**a. Danh sách Ban điều hành.**

**Ông Phan Ngọc Hùng**

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

**Tổng Giám đốc**

- 1979
- Thạc sỹ kinh tế

**Bà Bùi Hoài Châu**

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

**Phó Tổng Giám đốc**

- 1968
- Cử nhân kinh tế.

**Bà Phạm Thị Thu Nga**

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

**Kế toán trưởng**

- 1970
- Cử nhân Tài chính Kế toán

**b. Những thay đổi trong Ban Điều hành: không**

**c. Số lượng cán bộ, nhân viên:**

**- Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty đến thời điểm ngày 30/09/2020 là 191 người.

Cơ cấu lao động phân theo trình độ cụ thể như sau:

Stt	Trình độ	Số lượng (người)	Khối gián tiếp	Khối trực tiếp	Tỷ lệ (%)
1	Thạc sỹ	1	1	0	0,52
2	Đại học	21	18	3	10,99
3	Cao đẳng	5	2	3	2,62
4	Trung cấp	21	0	21	10,99
5	Cấp 3	98	3	95	51,31
4	Cấp 2	48	4	40	23,04
5	Cấp 1	1	0	1	0,52
	<b>Tổng cộng</b>	<b>191</b>	<b>28</b>	<b>163</b>	<b>100,00</b>

**- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

Công tác đào tạo luôn được Công ty chú trọng, đặc biệt là những cán bộ trẻ nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc. Trong năm, Công ty đã tổ chức huấn luyện cho Người lao động về công tác bảo hộ - an toàn lao động, các Bộ luật liên quan và kỹ năng, nghiệp vụ xăng dầu, bảo vệ môi trường, PCCC, đào tạo đội ngũ kế thừa Trưởng ca tại các Cửa hàng xăng dầu,... Công ty đã quy định cụ thể trình độ văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn đối với chức danh quản lý và thời gian phấn đấu với mục đích nâng cao năng lực, trình độ quản lý.

**• Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi**

Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên.

Công ty ban hành quy chế trả lương, thưởng, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của

từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CB.NV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thu nhập bình quân của người lao động đạt như sau:

Năm thực hiện	Thu nhập bình quân
2019	10.697.990 đồng/người/tháng
2019-2020	8.589.920 đồng/người/tháng

Công ty thực hiện chi trả lương đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên theo Bộ Luật LĐ, Luật BHXH và Thỏa ước LĐTT. Đồng thời Công ty đã mua Bảo hiểm tai nạn con người 24/24 giờ cho tất cả CBNV nhằm hỗ trợ người lao động khi có sự cố tai nạn; kịp thời trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động; thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm công việc nặng nhọc độc hại theo quy định.

Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV, đồng thời tổ chức khám và chữa bệnh nghề nghiệp cho nhân viên trực tiếp bán xăng dầu, tài xế xe bồn. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng tiêu chuẩn chức danh công việc.

Tổ chức tặng quà chăm lo cho CBNV nhân ngày Tết Nguyên Đán, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thương binh liệt sĩ 27/7, kỷ niệm 2/9, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12, ... Tham gia các hoạt động xã hội tương thân tương ái, giúp đỡ CBNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo của TP, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty.

Hàng năm Công ty tổ chức CBNV đi nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể với kinh phí trích từ quỹ phúc lợi.

### 3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

Trong năm 2019-2020, Công ty đã thực hiện đầu tư như sau:

Công ty đã thực hiện cải tạo và đưa vào sử dụng Cửa hàng xăng dầu số 3, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, góp phần làm tăng sản lượng bán ra.

### 4. Tình hình tài chính

#### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2019 (9 tháng)	Năm/Year 2019-2020	% tăng giảm/ % <i>change</i>
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			



<b>Tổng giá trị tài sản/Total asset</b>	<b>351.882.496.121</b>	<b>325.201.038.504</b>	<b>92,42%</b>
Doanh thu thuần/Net revenue	898.951.043.403	912.084.920.449	101,46%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	30.228.446.238	28.262.429.497	93,50%
Lợi nhuận khác/ Other profits	120.033.643	297.021.685	247,45%
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	30.348.479.881	28.559.451.182	94,11%
<b>Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax</b>	<b>24.165.212.261</b>	<b>22.717.230.869</b>	<b>94,01%</b>
<b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio (DOE)</b>	<b>30%</b>	<b>22%</b>	<b>73,33%</b>

"- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:**

<b>Chỉ tiêu/ Benchmarks</b>	<b>Năm/Year 2019 (9 tháng)</b>	<b>Năm/Year 2019-2020</b>	<b>Ghi chú/Note</b>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</b>			
+ <b>Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:</b> (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) (Short term Asset/Short term debt)	1.45	1,52	Lần
+ <b>Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:</b> (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (Short term Asset - Inventories)/Short term Debt	1.45	1,41	lần
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	43.69%	43,15%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	77.59%	75,89%	%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</b>			
+ <b>Vòng quay hàng tồn kho / Inventory turnover:</b> (Doanh thu thuần /Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory))	43.12	40,68	vòng
+ <b>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Asset turnover ratio) (Net revenue/Average Total Assets)</b>	255,47%	280,47%	%

<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	2,69%	2,49%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ Average total capital Ratio</i> )	12,20%	12,29%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Average Total assets Ratio</i> )	6,87%	6,99%	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	3,36%	3,10%	%
.....			

#### **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a. **Cổ phần:** Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay (chốt danh sách cổ đông ngày 18/11/2020): 11.291.459 cổ phiếu - Trong đó có 56.640 cổ phiếu quỹ.

b. **Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 18/11/2020:**

<b>HỌ TÊN / TỔ CHỨC SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN</b>	<b>Số lượng</b>	<b>%/VDL</b>
<b>I. Cá nhân</b>	<b>2.910.678</b>	<b>25,78%</b>
<i>Trong nước</i>	2.830.791	25,07%
+ Trong đó : CBCNV SFC	56.291	0,50%
<i>Nước ngoài</i>	79.887	0,71%
<b>II. Tổ chức</b>	<b>8.380.781</b>	<b>74,22%</b>
<i>Trong nước</i>	8.375.345	74,17%
+ Trong đó : - STS	5.758.634	51,00%
- Saigon Petro	2.259.708	20,01%
- Khác	357.003	3,16%
<i>Nước ngoài</i>	5.436	0,05%
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.291.459</b>	<b>100,00%</b>

#### **Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

<b>TT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	<b>Tỷ trọng</b>
1	Công ty CP Dịch Vụ Xăng Dầu Hàng Hải STS	Lầu 3, Số 6 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1	5.758.634	51,00%
2	Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. HCM	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM	2.259.708	20,01%
3	Lê Trọng Hiếu		1.344.345	11,91%
<b>Tổng cộng</b>			<b>9.362.687</b>	<b>82,92%</b>

**c. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Tồn đầu kỳ 30/09/2019: 56.640 CP.
- Mua: 0 CP
- Bán: 0 CP
- Tồn cuối kỳ 30/09/2020: 56.640 CP

**d. Cổ tức:**

Thực hiện kế hoạch trả cổ tức năm 2019 ( 9 tháng) đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 phê chuẩn, Công ty thực hiện như sau:

- Tháng 12/2019 : Công ty đã tạm ứng và thanh toán chi cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 30% trên VDL 112,9 tỷ đồng.
- Với kết quả lợi nhuận năm 2019-2020, Hội đồng Quản trị lập tờ trình phân phối lợi nhuận, đề xuất chi trả cổ tức năm 2019-2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 22% trên VDL.

**e. Các chứng khoán khác:**

Vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 30/09/2020 là 10.296.000.000 đồng.

- **Cty CP Cà Phê Petec:** Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng; không có cổ tức.
- **Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định (GDI):** Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư 10 tỷ đồng; không có cổ tức.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

Xăng dầu là mặt hàng đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống của con người. Nhưng trong quá trình phân phối, xăng dầu ít nhiều đã gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của con người, đây là mặt hàng rất dễ cháy nổ, gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản con người, đồng thời là nguyên nhân nảy sinh nhiều vấn đề tác động xấu đến môi trường và đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh nơi mà nhu cầu tiêu thụ xăng dầu rất lớn. Với tác hại do xăng dầu gây ra, trong khả năng của mình, Công ty đã đề ra những giải pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, cụ thể như sau:

**a. Quản lý và kiểm soát chất thải:**

- Công ty lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các Cửa hàng xăng dầu và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện thu hồi hơi khi nhập xăng dầu cũng như độ an toàn của hệ thống.
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, tổ chức thu gom chất thải nguy hại định kỳ 2 lần trong năm do cơ quan có thẩm quyền thực hiện đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

**b. Kiểm soát môi trường làm việc:**

- Chương trình 5S được Công ty đặc biệt chú trọng quan tâm và duy trì nhiều năm trên toàn bộ mạng lưới kinh doanh: để cải tiến môi trường kinh doanh và làm việc sạch

đẹp, tiện lợi; xây dựng ý thức và thói quen làm việc mang tính chuyên nghiệp, nâng cao năng suất, góp phần hình thành văn hóa Công ty và hỗ trợ tích cực cho công tác quảng bá, nhận diện thương hiệu.

- Báo cáo giám sát môi trường của các Cửa hàng Xăng dầu các chi số đều đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật.
- Công tác An toàn vệ sinh lao động, PCCC luôn được Công ty quan tâm hàng đầu, Công ty đã tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động, PCCN mỗi năm một lần nhằm trang bị và bổ sung kiến thức cơ bản về an toàn lao động cho CBNV, thực tập sử dụng thành thạo các thiết bị chữa cháy; trang bị bảo hộ lao động cho toàn thể CBNV. Trong năm không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động.
- Định kỳ hàng quý Công ty thực hiện kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy tại các đơn vị và báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Tổng Giám Đốc kịp thời khen thưởng và nhắc nhở các đơn vị tuân thủ quy định.

**c. Tuân thủ về bảo vệ môi trường:**

Công ty thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tổ chức thu gom chất thải nguy hại theo quy định và lập báo cáo giám sát môi trường, sổ chủ nguồn thải, đồng thời yêu cầu các đơn vị thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường nơi làm việc và cộng đồng theo quy định.

**d. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo chăm lo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động với các nội dung khám thiết thực, chọn lựa đơn vị khám có uy tín, nhằm giúp người lao động theo dõi được tình trạng sức khỏe và phát hiện được bệnh để chủ động có biện pháp ngăn ngừa hoặc chữa trị. Thực hiện chế độ phụ cấp độc hại cho người lao động trực tiếp làm việc trong điều kiện có yếu tố độc hại theo quy định.
- Hoạt động đào tạo người lao động: nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng cho các cấp quản lý, nhân viên bán hàng để nâng cao chất lượng hiệu quả công việc và đảm bảo quyền lợi chính đáng của NLĐ. Năm qua Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện như: Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, Nghiệp vụ bảo vệ môi trường, Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, PCCC,...

**e. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng:**

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động – PCCN nhắc nhở các đơn vị và cá nhân chấp hành tốt công tác An toàn vệ sinh lao động – PCCN; Kiểm tra, nhắc nhở các đơn vị duy trì và thực hiện tốt chương trình tiêu chuẩn 5S nhằm đảm bảo an toàn lao động, đơn vị sạch đẹp.
- Công ty thực hiện xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại các Cửa hàng xăng dầu để góp phần bảo vệ môi trường và giúp người dân thuận tiện hơn trong vấn đề vệ sinh cá nhân.
- Tích cực hưởng ứng việc tuyên truyền công tác PCCC, công tác ATVSLĐ – PCCN, phong trào xanh sạch đẹp.

- Công ty tiếp tục chăm lo nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh Hùng ở Quảng Ngãi; vận động CBCN đóng góp tổ chức trao quà cho học sinh nghèo, gia đình chính sách, trẻ khuyết tật, mồ côi gặp khó khăn nơi xa xôi hẻo lánh... Đóng góp ngày lương cho đồng bào bị bão lụt miền trung, xây dựng biển đảo quê hương, xây dựng quỹ xã hội, quỹ phòng chống thiên tai,...theo chủ trương của Nhà nước.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần nhiên Liệu Sài Gòn năm 2019 -2020 chịu sự tác động trong bối cảnh có nhiều sự thay đổi về chính sách quản lý chung của nhà nước đối với lĩnh vực hoạt động xăng dầu; chịu sự tác động của những biến động trên thị trường xăng dầu thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng, cụ thể:
  - Thị trường xăng dầu Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào thị trường xăng dầu khu vực và thế giới nên các cơ chế kinh doanh xăng dầu đã dần theo hướng thị trường, Nghị định 83/2014 ND-CP của Chính phủ là một trong những định chế cơ bản của Chính phủ từng bước thị trường hóa, đưa hoạt động xăng dầu theo cơ chế thị trường đầy đủ, khuyến khích doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu; đồng thời tăng tính cạnh tranh, công khai, minh bạch.
  - Trong năm tài chính 2019-2020, giá xăng dầu được điều chỉnh 25 lần, trong đó mặt hàng Xăng có 3 lần giữ nguyên giá, 9 lần tăng giá và 13 lần giảm giá. Mặt hàng Dầu Do 0,05S có 1 lần giữ nguyên giá, 8 lần tăng giá và 16 lần giảm.
  - Việc thực hiện công tác quy hoạch chung của Thành phố, Nhà Nước các quy định nghiêm ngặt của Nhà nước, ngành hàng đối với các đơn vị kinh doanh xăng dầu; sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị, đối tác cùng ngành hàng ngày càng cao về dịch vụ, về mở rộng mạng lưới ... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạch định kinh doanh của Công ty.
  - Trong bối cảnh chung nói trên, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty SFC năm 2019 có điểm như sau:

#### Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2019-2020 ( 12 tháng ):

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm tài chính 2019-2020: **28,559 tỷ đồng** bằng 76 % so kế **hoạch 37,5 tỷ đồng**.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm tài chính 2019-2020 là : **22,717 tỷ đồng**, bằng 76% so KH năm (**29,89 tỷ đồng**) và bằng **77,2%** so cùng kỳ thực hiện năm trước (**29,4 tỷ đồng**).
- Khả năng sinh lời
  - ✓ Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) : **11,86 %**
  - ✓ Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) : **6,71 %**
  - ✓ Thu nhập ròng trên một cổ phiếu (EPS) : **1.820 đồng**.

#### a. Hoạt động Kinh doanh xăng dầu

- Tổng sản lượng xăng dầu bán ra trong 12 tháng năm 2019-2020 là 77,638 triệu lít, đạt 87,73% so với kế hoạch là 88,5 triệu lít xăng dầu, đạt 90,84% so với thực hiện cùng

kỳ 12 tháng 2018-2019, Nguyên nhân là do dịch bệnh Covid 19, Nhà nước thực hiện giãn cách xã hội, nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng trong đó có Công ty SFC, đặc biệt là những doanh nghiệp kinh doanh vận tải và du lịch. Mặc dù Công ty cũng đã tăng cường công tác tìm kiếm, hỗ trợ, chăm sóc khách hàng nhưng sản lượng bán lẻ thực tế không đạt kế hoạch năm 2019-2020.

- Lãi gộp kinh doanh xăng dầu năm 2019-2020 là 70,876 tỷ, giảm so với kế hoạch 14,87 tỷ đồng, bằng 80% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do sản lượng thực hiện không đạt kế hoạch; giai đoạn từ tháng 03/2020 đến tháng 05/2020 giá bán lẻ xăng dầu liên tục giảm sâu.
- Việc vận chuyển hàng hoá lưu thông trong nội thành thời gian qua gặp nhiều khó khăn do nhà nước ban hành quy định cấm đường ban ngày. Vì vậy tháng 7/2020, thực hiện Nghị Quyết HĐQT số 08/2020/NQ-NLSG ngày 8/4/2020 v/v tổ chức thực hiện thanh lý 5 xe bồn vận chuyển xăng dầu. Đến nay, Công ty thuê ngoài vận chuyển toàn bộ xăng dầu phục vụ cho hệ thống.
- Thực hiện cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho 17 CHXD. Đảm bảo tốt cơ sở vật chất, nhận diện thương hiệu và an toàn phục vụ cho công tác bán hàng.
- Tất cả máy móc thiết bị phục vụ công tác bán hàng được bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời phục vụ công tác bán hàng tốt nhất; Định kỳ được tổ chức kiểm định, mở sổ nhật ký theo dõi thường xuyên tất cả trụ bơm và bồn chứa xăng dầu tại các CHXD đảm bảo hoạt động đúng theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước. Công ty SFC đã lắp đặt Thiết bị in chứng từ trên các cột đo xăng dầu của các CHXD trực thuộc Công ty làm chuẩn hóa và minh bạch trong hoạt động bán hàng tại CHXD.
- Tổng lợi nhuận trước thuế hoạt động kinh doanh xăng dầu năm 2019-2020 đạt 19,535 tỷ đồng, chiếm 65,19% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn công ty.

#### **b. Hoạt động kinh doanh dầu nhờn:**

- Công ty đã tập trung đẩy mạnh phát triển công tác kinh doanh dầu nhờn Revotec, đặc biệt chú trọng đến công tác khuyến mại, quảng cáo, marketing ... Trong năm, Công ty thực hiện chương trình “Đồng hành cùng Grab – Now – Bạn Hữu Đường Xa” tạo ấn tượng tốt đối với khách hàng. Ngoài ra Công ty còn thực hiện nhiều chính sách chiết khấu bán hàng phù hợp với nhu cầu thị trường đảm bảo lợi nhuận kinh doanh.
- Kết quả thực hiện sản lượng bán dầu nhờn Revotec trong năm 2019-2020 là 145.750 lít đạt 91% kế hoạch và bằng 95,37% so cùng kỳ năm 2018-2019 (bình quân là 12.146 lít/tháng).
- Tổng lợi nhuận trước thuế hoạt động kinh doanh dầu nhờn năm tài chính 2019-2020 (12 tháng) đạt 879 triệu đồng, chiếm 2,93% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty.

#### **c. Khai thác dịch vụ mặt bằng:**

- Công ty đã quản lý và khai thác các mặt bằng đem lại lợi nhuận cho Công ty: doanh thu khai thác dịch vụ mặt bằng năm tài chính 2019-2020 là 18,01 tỷ đồng đạt 104% so với kế hoạch và bằng 98% so với cùng kỳ năm trước. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 5,098 tỷ đồng, chiếm 17,01% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn công ty.

#### **d. Hoạt động tài chính:**

- Trong năm tài chính 2019-2020, Công ty đã quản trị tốt nguồn vốn, cùng với việc đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, khai thác hiệu quả dòng tiền nhàn rỗi để tăng hiệu quả cho Công ty. Cụ thể lợi nhuận trước thuế từ hoạt động tài chính trong năm là 2,991 tỷ đồng
- Hoạt động đầu tư tài chính: Vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 30/09/2020 là 10.296.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư: 187,960 triệu đồng cho khoản đầu tư cổ phần tại Cty CP Cà Phê Petec. Cụ thể các khoản đầu tư như sau:
  - + Cty CP Cà Phê Petec: Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng, năm tài chính 2019-2020 công ty không chia cổ tức.
  - + Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định: Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư: 10 tỷ đồng, năm tài chính 2019-2020 công ty không chia cổ tức.
- Tổng lợi nhuận trước thuế hoạt động tài chính 2019-2020 đạt 2,802 tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty.

#### **e. Công tác quản lý:**

- Công tác quản lý điều hành được Công ty quan tâm chú trọng nhằm mục đích nâng cao hiệu quả quản trị, đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty cụ thể:
  - Công ty tiếp tục ban hành, sửa đổi, hiệu chỉnh các Quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý bán hàng, quản lý tiền hàng, quản lý công nợ... và thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát thông qua Ban Quản lý Chất lượng Công ty nhằm đảm bảo công tác quản lý hiệu quả, tiết kiệm, tăng cường kỷ cương và giảm thiểu rủi ro.
  - Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, liên tục sắp xếp bố trí nhân sự phụ hợp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công việc, đặc biệt là bộ máy lao động gián tiếp.
  - Kiểm soát chi phí: HĐQT giao Ban Điều Hành định mức chi phí, để thực hiện chỉ tiêu này BDH đã rà soát toàn bộ chi phí của toàn Công ty, lập biểu theo dõi từng khoản mục, triệt để thực hiện tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Công tác ATVSLĐ, PCCN, PCCC được Công ty đặc biệt quan tâm, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở và trang bị đầy đủ kiến thức cho người lao động, các phương tiện chữa cháy tại các đơn vị theo quy định, trong năm qua đã không có trường hợp rủi ro cháy nổ nào xảy ra. Thực hiện báo cáo giám sát môi trường, lập sổ theo dõi nguồn thải, tiến hành thu gom chất thải nguy hại; Đo điện trở nối đất, kiểm định hệ thống chống sét và bãi tiếp địa định kỳ hàng năm vào đầu mùa mưa tại các Cửa hàng xăng dầu.
- Duy trì và thực hiện việc khoán lương theo sản lượng cho toàn thể CBNV Công ty. Đồng thời phát động phong trào thi đua khen thưởng khuyến khích người lao động tăng NSLĐ, đẩy mạnh bán ra.... Tăng cường và bố trí lao động hợp lý vào giờ cao điểm, tăng giờ bán, Thực hiện ”5 bước bán hàng”, luôn vui vẻ, ân cần với khách hàng, duy trì thực hiện chương trình 5S tại các CHXD.

- Quý 2 và quý 3 năm tài chính 2019-2020, trong đợt cao điểm dịch bệnh covid 19, sản lượng bán lẻ xăng dầu giảm mạnh, tháng thấp điểm nhất giảm hơn 40% so với thời điểm bình thường. Công ty áp dụng chính sách luân phiên nghỉ không lương nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động và chi phí hoạt động của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc; xét thưởng cho tập thể, cá nhân đạt danh hiệu quý, năm nhằm khuyến khích người lao động hoàn thành nhiệm vụ.

## 2. Tình hình tài chính:

Mã số		TÀI SẢN	Năm nay 30/09/2020	Năm trước 30/09/2019	So sánh (2019-2018)	SS Tốc độ (+,-)
<b>100</b>	<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>190.574.077.789</b>	<b>202.423.596.404</b>	<b>(11.849.518.615)</b>	<b>-5,85%</b>
<b>110</b>	<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>169.294.455.006</b>	<b>160.705.634.726</b>	<b>8.588.820.280</b>	<b>5,34%</b>
111	1.	Tiền	20.294.455.006	15.705.634.726	4.588.820.280	29,22%
112	2.	Các khoản tương đương tiền	149.000.000.000	145.000.000.000	4.000.000.000	2,76%
<b>120</b>	<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
<b>130</b>	<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7.739.356.785</b>	<b>9.528.475.096</b>	<b>(1.789.118.311)</b>	<b>-18,78%</b>
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.868.062.041	8.389.723.055	(1.521.661.014)	-18,14%
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	486.279.275	1.086.578.659	(600.299.384)	-55,25%
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	784.279.469	426.691.782	357.587.687	83,80%
137	4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(399.264.000)	(374.518.400)	(24.745.600)	6,61%
<b>140</b>	<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>13.352.252.784</b>	<b>31.485.443.197</b>	<b>(18.133.190.413)</b>	<b>-57,59%</b>
141	1.	Hàng tồn kho	13.352.252.784	31.485.443.197	(18.133.190.413)	-57,59%
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)				
<b>150</b>	<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>188.013.214</b>	<b>704.043.385</b>	<b>(516.030.171)</b>	<b>-73,30%</b>
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	175.727.560	704.043.385	(528.315.825)	-75,04%
153	2.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	12.285.654		12.285.654	
<b>200</b>	<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>134.626.960.715</b>	<b>149.458.899.717</b>	<b>(14.831.939.002)</b>	<b>-9,92%</b>
<b>210</b>	<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
216	1.	Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000	-	0,00%
219	2.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi				
<b>220</b>	<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>91.733.201.567</b>	<b>105.423.111.892</b>	<b>(13.689.910.325)</b>	<b>-12,99%</b>
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	32.345.911.986	43.569.913.031	(11.224.001.045)	-25,76%
222		- Nguyên giá	71.709.280.712	82.542.440.881	(10.833.160.169)	-13,12%
223		- Giá trị hao mòn lũy kế	(39.363.368.726)	(38.972.527.850)	(390.840.876)	1,00%
227	2.	Tài sản cố định vô hình	59.387.289.581	61.853.198.861	(2.465.909.280)	-3,99%



228		- Nguyên giá	68.731.740.865	68.731.740.865	-	0,00%
229		- Giá trị hao mòn lũy kế	(9.344.451.284)	(6.878.542.004)	(2.465.909.280)	35,85%
<b>230</b>	<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>33.283.970.534</b>	<b>34.284.256.139</b>	<b>(1.000.285.605)</b>	<b>-2,92%</b>
231		- Nguyên giá	41.556.799.362	41.556.799.362	-	0,00%
232		- Giá trị hao mòn lũy kế	(8.272.828.828)	(7.272.543.223)	(1.000.285.605)	13,75%
<b>240</b>	<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>988.520.359</b>	<b>952.099.640</b>	<b>36.420.719</b>	<b>3,83%</b>
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	988.520.359	952.099.640	36.420.719	3,83%
<b>250</b>	<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>6.358.040.000</b>	<b>6.546.000.000</b>	<b>(187.960.000)</b>	<b>-2,87%</b>
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.296.000.000	10.296.000.000	0	0,00%
254	2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.937.960.000)	(3.750.000.000)	(187.960.000)	5,01%
<b>260</b>	<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.258.228.255</b>	<b>2.248.432.046</b>	<b>9.796.209</b>	<b>0,44%</b>
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	677.031.917	1.130.024.881	(452.992.964)	-40,09%
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.581.196.338	1.118.407.165	462.789.173	41,38%
<b>270</b>		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>325.201.038.504</b>	<b>351.882.496.121</b>	<b>(26.681.457.617)</b>	<b>-7,58%</b>

Tổng Tài Sản đến 30/09/2020 giảm **26,68 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm 7.58% so với thời điểm 30/09/2019. Chi tiết như sau :

**a.1 - Tài Sản ngắn hạn giảm 11,85 tỷ** , tương ứng với tỷ lệ giảm là **5,85 %** chủ yếu là do các nhân tố sau :

- **Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 8,59 tỷ** tương ứng với tốc độ tăng là **5,34%** so với thời điểm 30/09/2019, chủ yếu là do tăng tiền gửi ngắn hạn ngân hàng.
- **Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 1,79 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm **18,78%** so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do:
  - ✓ **Công nợ phải thu giảm 1,52 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm là **18,14%**
  - ✓ **Số dư trả trước người bán ngắn hạn giảm 0,6 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm là **55,25%**.
  - ✓ Bên cạnh đó, **các phải thu khác biến động tăng 0.333 tỷ** không đáng kể so với cùng kỳ năm trước.
- **Hàng tồn kho đến 30/09/2020 giảm 18,133 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm là **57,59%** so với thời điểm 30/09/2019 do cuối năm công ty giảm lượng hàng tồn kho xăng dầu.

**a.2- Tài sản dài hạn giảm 14,832 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm **9,92%** chủ yếu là do thanh lý 5 xe bồn và khấu hao tài sản cố định trong kỳ, cụ thể như sau:

- **Tài sản cố định: giảm 13,69 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm là **12,99%** chủ yếu là giảm do thanh lý 5 xe bồn và khấu hao Tài sản cố định trong kỳ.
- **Bất động sản đầu tư: giảm 1 tỷ** do khấu hao trong kỳ.
- **Đầu tư tài chính dài hạn: giảm 0,187 triệu** do trích lập dự phòng khoản đầu tư

Nhìn chung, thời điểm 30/09/2020 tổng tài sản giảm 26,68 tỷ tương ứng với tỉ lệ giảm là 7,58% so 30/09/2019 chủ yếu là do Công ty giảm hàng tồn kho và thanh lý 5 xe bồn, các chỉ tiêu tài sản khác biến động không đáng kể.

**a. Tình hình nợ phải trả:**

Mã số		NGUỒN VỐN	Năm nay 30/09/2020	Năm trước 30/09/2019	So sánh (2019-2018)	SS Tốc độ (+,-)
<b>300</b>	<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>140.314.797.940</b>	<b>153.737.306.340</b>	<b>(13.422.508.400)</b>	<b>-8,73%</b>
<b>310</b>	<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>125.435.182.632</b>	<b>140.023.263.591</b>	<b>(14.588.080.959)</b>	<b>-10,42%</b>
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	20.577.229.157	3.976.355.923	16.600.873.234	417,49%
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	218.398.440	74.929.190	143.469.250	191,47%
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.898.547.918	34.827.354.070	(928.806.152)	-2,67%
314	4.	Phải trả người lao động	3.869.698.409	6.819.521.853	(2.949.823.444)	-43,26%
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	157.950.452	247.536.383	(89.585.931)	-36,19%
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	9.389.723.323	8.817.280.266	572.443.057	6,49%
320	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	56.233.511.118	83.474.080.121	(27.240.569.003)	-32,63%
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.090.123.815	1.786.205.785	(696.081.970)	-38,97%
<b>330</b>	<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>14.879.615.308</b>	<b>13.714.042.749</b>	<b>1.165.572.559</b>	<b>8,50%</b>
337	1.	Phải trả dài hạn khác	5.228.024.100	5.490.424.100	(262.400.000)	-4,78%
342	2.	Dự phòng phải trả dài hạn	9.651.591.208	8.223.618.649	1.427.972.559	17,36%
<b>400</b>	<b>D.</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>184.886.240.564</b>	<b>198.145.189.781</b>	<b>(13.258.949.217)</b>	<b>-6,69%</b>
<b>410</b>	<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>184.886.240.564</b>	<b>198.145.189.781</b>	<b>(13.258.949.217)</b>	<b>-6,69%</b>
411	1.	Vốn đầu tư chủ sở hữu	112.914.590.000	112.914.590.000	0	0,00%
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	9.220.495.600	9.220.495.600	0	0,00%
415	3.	Cổ phiếu quỹ	(1.414.603.444)	(1.414.603.444)	0	0,00%
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển	39.398.471.894	39.398.471.894	0	0,00%
421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.767.286.514	38.026.235.731	(13.258.949.217)	-34,87%
<b>440</b>		<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>325.201.038.504</b>	<b>351.882.496.121</b>	<b>(26.681.457.617)</b>	<b>-7,58%</b>

**Phân tích Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**

Nợ phải trả đến thời điểm 30/09/2020 giảm 13,43 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 8,73% so với cùng thời điểm 30/09/2019 là do các nguyên nhân như sau :

- ❖ **Nợ ngắn hạn giảm 14,59 tỷ**, tương ứng với tỷ lệ giảm là 10,42 % cụ thể như sau:
  - **Các khoản phải trả người bán** : tăng 16,6 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 417,5% so với thời điểm 30/09/2019, do hàng hóa xăng dầu chưa đến thời gian thanh toán.

- **Thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm 0,929 tỷ**, chủ yếu là giảm nộp thuế bảo vệ môi trường do sản lượng bán ra giảm so với cùng kỳ 2019.
  - **Nợ vay ngắn hạn giảm 27,24 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm 32,63% so với thời điểm 2019, do giảm tiền vay.
  - **Quỹ khen thưởng phúc lợi, các khoản phải trả ngắn hạn khác, trả người lao động ...** giảm hơn 3 tỷ so với thời điểm cuối năm 2019, chủ yếu do giảm lương tháng 13 cho người lao động.
- ❖ **Nợ dài hạn** năm 2020 tăng **1,165 tỷ** tương ứng với tỷ lệ tăng **8,50%** so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do trong năm Công ty đã trích thêm dự phòng Quỹ rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo thông tư 86/206/TT/BTC ban hành ngày 20/6/2016.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- **Tập trung xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý** giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành bài bản, chính quy, an toàn và hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, nhắc nhở các đơn vị nghiêm túc thực hiện các quy trình, quy định, hướng dẫn... nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- **Theo dõi sát tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh:** định kỳ hàng tuần, hàng tháng các đơn vị báo cáo xem xét, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, qua đó kịp thời đưa ra những biện pháp phù hợp, chấn chỉnh hoạt động nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch.
- **Tổ chức kiểm tra kiểm soát chất lượng xăng dầu** trong toàn bộ hệ thống phân phối của mình từ khâu giao nhận, vận chuyển và hoạt động kinh doanh trên thị trường, nhằm bảo đảm chất lượng xăng dầu tốt nhất đến tay người tiêu dùng.
- **Công tác kiểm soát chi phí:** HĐQT giám sát việc thực hiện chi phí công ty thông qua việc giao định mức chi phí cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển:

Năm 2019 -2020 Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài Công ty thông qua tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

#### a. **Kế hoạch kinh doanh năm 2020-2021 :**

-**Tổng lợi nhuận trước thuế : 36,02 tỷ đồng**

-**Tỷ lệ Cổ tức: Dự kiến tối thiểu 20% trên vốn điều lệ.**

#### b. **Các Biện pháp thực hiện**

- Cung cấp hàng hoá xăng dầu đúng về chất lượng, đủ về số lượng, minh bạch rõ ràng đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định của nhà nước.

- Chú trọng công tác chăm sóc tốt các khách hàng hiện hữu, phát triển thêm nhiều khách hàng mới bằng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với tình hình thị trường và thời điểm.

- Ứng dụng đầu tư công nghệ trong hoạt động chung của Công ty, đặc biệt là trong công tác quản lý, công tác bán hàng nhằm tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động, đồng thời mang đến cho khách hàng tiện ích mới, tối ưu góp phần tăng tính cạnh tranh và hình ảnh Công ty.
- Quản lý hiệu quả hoạt động vận tải của xe bồn, thực hiện công tác điều phối, theo dõi, tính toán bảo đảm đủ hàng hoá tại Cửa hàng KDXD không bị gián đoạn kinh doanh. Rà soát bố trí mặt bằng, các mặt hàng xăng dầu cho phù hợp với nhu cầu thị trường và cơ sở vật chất của Cửa hàng nhằm nâng cao năng lực phục vụ và tăng sản lượng.
- Tập trung đẩy mạnh bán dầu nhờn Revotec thông qua mạng lưới kinh doanh tại 17 Cửa hàng xăng dầu, đẩy mạnh bán dầu nhờn cho các khách hàng vận tải, nhà máy, khu công nghiệp, công trình... Công ty xây dựng và triển khai chương trình trực tiếp giới thiệu và bán sản phẩm dầu nhờn đến các khách hàng.
- Tổ chức ca bán hàng với số lượng lao động hợp lý, bố trí giờ bán hàng phù hợp nhất và chú trọng tăng cường lao động bán hàng vào giờ cao điểm để có thể phục vụ hết lượng khách hàng đến Cửa hàng với thời gian nhanh nhất, không để xảy ra tình trạng ùn tắc, khách hàng bỏ đi. CBNV Cửa hàng phải nghiêm túc thực hiện “5 bước bán hàng”, nói lời " Cảm ơn – Xin lỗi"; luôn vui vẻ, hoà nhã, lịch sự... trong giao tiếp với khách hàng.
- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các Cửa hàng xăng dầu khang trang, sạch đẹp phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh thực tế tại Cửa hàng xăng dầu; nghiên cứu đầu tư các thiết bị công nghệ mới cho hệ thống bán lẻ xăng dầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng sản lượng bán ra.
- Tận dụng, khai thác hết tiềm năng cơ sở vật chất hiện có để tăng doanh thu mảng dịch vụ mặt bằng của Công ty. Tuy nhiên phải đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Xây dựng bổ sung và sửa đổi để ban hành các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị; Thực hiện và giám sát một cách triệt để các quy trình quy định của Cty, đảm bảo tuyệt đối về công tác an toàn, PCCC, chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Đảm bảo tất cả các hoạt động của công ty phải được giám sát, kiểm tra tuân thủ đúng, đủ các quy trình, quy định của công ty và các cơ quan quản lý nhà nước; phát huy vai trò kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn các đơn vị của “Ban Quản lý chất lượng” Công ty;
- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động công ty đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả trong quản lý. Chú trọng công tác tuyển dụng, tổ chức đào tạo cho CB lãnh đạo, nhân viên nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng bán hàng... và mục tiêu cuối cùng là đảm bảo việc quản trị công ty một cách hiệu quả, quản lý và phục vụ khách hàng một cách tốt nhất;
- Hội đồng Quản trị thực hiện cơ chế giao chi phí cho từng lĩnh vực hoạt động của Công ty; hoạt động bán lẻ, bán buôn xăng dầu; hoạt động vận chuyển và hoạt động

khai thác dịch vụ mặt bằng. Đảm bảo việc kiểm soát chi phí đúng, đủ, phù hợp và tạo cơ chế chủ động cho Ban điều hành Công ty.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện họp định kỳ hàng quý để xây dựng định hướng phát triển, và hoạch định chiến lược, giao các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính cho Ban Điều Hành. Trong năm 2019-2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp thường kỳ và bất thường, đồng thời ban hành 12 nghị quyết. Trong những phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm toán nội bộ, Ban Điều Hành Công ty. Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định, chỉ đạo Tổng Giám Đốc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng theo quy định điều lệ và làm tốt công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực triển khai công việc, có kết luận cụ thể về các định hướng hành động và điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tiễn kinh doanh nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của cơ quan ban ngành về công bố thông tin định kỳ, đột xuất; các báo cáo tài chính hàng quý, giữa niên độ và năm. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố trên trang website của Công ty, trên các phương tiện thông tin và được trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Thực hiện trả cổ tức năm tài chính 2019 ( 9 tháng ) bằng tiền mặt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên là 30 % trên VĐL. Thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2019-2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 22% trên VĐL.

- Hội đồng quản trị đã lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019-2020 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:**

- Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết; đồng thời phân công một số thành viên trực tiếp làm việc, hỗ trợ Ban điều hành để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.

- Định kỳ, Hội đồng Quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tình hình quản lý, điều hành Công ty, những vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh và chỉ đạo các công việc liên quan đến thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đều tuân thủ theo pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty.

### **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:**

- Cung cấp hàng hoá xăng dầu đúng về chất lượng, đủ về số lượng, minh bạch rõ ràng đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định của nhà nước.
- Chú trọng công tác chăm sóc tốt các khách hàng hiện hữu, phát triển thêm nhiều khách hàng mới bằng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với tình hình thị trường và thời điểm.
- Ứng dụng đầu tư công nghệ trong hoạt động chung của Công ty, đặc biệt là trong công tác quản lý, công tác bán hàng nhằm tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động, đồng thời mang đến cho khách hàng tiện ích mới, tối ưu góp phần tăng tính cạnh tranh và hình ảnh Công ty.
- Quản lý hiệu quả hoạt động vận tải của xe bồn, thực hiện công tác điều phối, theo dõi, tính toán bảo đảm đủ hàng hoá tại Cửa hàng KDXD không bị gián đoạn kinh doanh. Rà soát bố trí mặt bằng, các mặt hàng xăng dầu cho phù hợp với nhu cầu thị trường và cơ sở vật chất của Cửa hàng nhằm nâng cao năng lực phục vụ và tăng sản lượng.
- Tập trung đẩy mạnh bán dầu nhờn Revotec thông qua mạng lưới kinh doanh tại các Cửa hàng xăng dầu, đẩy mạnh bán dầu nhờn cho các khách hàng vận tải, nhà máy, khu công nghiệp, công trình... Công ty xây dựng và triển khai chương trình trực tiếp giới thiệu và bán sản phẩm dầu nhờn đến các khách hàng.
- Tổ chức ca bán hàng với số lượng lao động hợp lý, bố trí giờ bán hàng phù hợp nhất và chú trọng tăng cường lao động bán hàng vào giờ cao điểm để có thể phục vụ hết lượng khách hàng đến Cửa hàng với thời gian nhanh nhất, không để xảy ra tình trạng ùn tắc, khách hàng bỏ đi. CBNV Cửa hàng phải nghiêm túc thực hiện “5 bước bán hàng”, nói lời " Cảm ơn – Xin lỗi"; luôn vui vẻ, hoà nhã, lịch sự... trong giao tiếp với khách hàng.
- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các Cửa hàng xăng dầu khang trang, sạch đẹp phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh thực tế tại Cửa hàng xăng dầu; nghiên cứu đầu tư các thiết bị công nghệ mới cho hệ thống bán lẻ xăng dầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng sản lượng bán ra.
- Tận dụng, khai thác hết tiềm năng cơ sở vật chất hiện có để tăng doanh thu mảng dịch vụ mặt bằng của Công ty. Tuy nhiên phải đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Xây dựng bổ sung và sửa đổi để ban hành các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị; Thực hiện và giám sát một cách triệt để các quy trình quy định của Cty, đảm bảo tuyệt đối về công tác an toàn, PCCC, chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Đảm bảo tất cả các hoạt động của công ty phải được giám sát, kiểm tra tuân thủ đúng, đủ các quy trình, quy định của công ty và các cơ quan quản lý nhà nước; phát huy vai trò kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn các đơn vị của “Ban Quản lý chất lượng” Công ty;
- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động công ty đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả trong quản lý. Chú trọng công tác tuyển dụng, tổ chức đào tạo cho CB lãnh đạo, nhân viên nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng bán hàng... và mục tiêu cuối

cùng là đảm bảo việc quản trị công ty một cách hiệu quả, quản lý và phục vụ khách hàng một cách tốt nhất;

- Hội đồng Quản trị thực hiện cơ chế giao chi phí cho từng lĩnh vực hoạt động của Công ty; hoạt động bán lẻ, bán buôn xăng dầu; hoạt động vận chuyển và hoạt động khai thác dịch vụ mặt bằng. Đảm bảo việc kiểm soát chi phí đúng, đủ, phù hợp và tạo cơ chế chủ động cho Ban điều hành Công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng Quản trị:

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

- Tại đại hội cổ đông thường niên 2017 và nhiệm kỳ V (2018-2022) được tổ chức vào ngày 30/3/2018. Đại hội đã nhất trí và bầu chuẩn y kết quả Hội đồng Quản trị bao gồm 5 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập (Ông Bùi Ngọc Thạch Anh và Ông Nguyễn Văn Khoa).
- Ngày 30/3/2018 Hội đồng quản trị đã bầu Ông Lê Trọng Hiếu giữ chức vụ Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty, đồng thời bầu Ông Phan Ngọc Hùng giữ chức vụ Ủy viên thường trực Hội Đồng Quản Trị Công ty kể từ ngày 30/3/2018.
- Từ ngày 01/10/2019 đến 30/9/2020. Hội đồng Quản Trị có 5 thành viên trong đó có 01 Chủ Tịch, 01 Ủy viên thường trực tham gia Ban điều hành là Ông Phan Ngọc Hùng và 3 thành viên HĐQT .

#### **Ông Lê Trọng Hiếu**

#### **Chủ tịch**

- Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Phan Ngọc Hùng**

#### **Ủy viên thường trực**

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

#### **Ông Phạm Trần Hiền**

#### **Thành viên**

- Năm sinh: 1965
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Bùi Ngọc Thạch Anh**

#### **Thành viên độc lập**

- Năm sinh: 1991
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Thương Mại Năng Lượng và Tài Chính

#### **Ông Nguyễn Văn Khoa**

#### **Thành viên độc lập**

- Năm sinh: 1962
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

#### b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

##### **Các cuộc họp của HĐQT:**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự.
1	Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	11/11	100%	
2	Phan Ngọc Hùng	UV TT	11/11	100%	
3	Phạm Trần Hiền	Thành viên	11/11	100%	
4	Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	5/11	45%	địch covid 19 không về nước
5	Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	10/11	91%	

### Nội dung chính của các cuộc họp Hội đồng Quản trị:

1	01/2019 NQ-NLSG	29/10/2019	Dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2019.
2	02/2019 NQ-NLSG	26/11/2019	Trích bổ sung quỹ tiền lương tháng 13 cho CBNV năm 2019.
3	04/2020/NQ-NLSG	02/01/2020	Thông nhất các điều khoản ký hợp đồng mua xăng dầu năm 2020.
4	05/2020/NQ-NLSG	02/01/2020	Giao các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2019-2020
5	06/2020/NQ-NLSG	17/03/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2019-2020
6	07/2020/NQ-NLSG	26/03/2020	Thông qua việc vay vốn tại NHTM CP Ngoại thương Việt Nam.
7	08/2020/NQ-NLSG	08/04/2020	Thanh lý các xe bồn chở xăng dầu và quản lý điều hành kinh doanh xăng dầu.
8	09/2020/NQ-NLSG	27/04/2020	Điều chỉnh giảm thù lao HĐQT và giảm tiền cho thuê tài sản tại khu đất 68/1 Quốc lộ 13 là siêu thị Co-op Mart Bình Triệu.
9	10/2020/NQ-NLSG	28/07/2020	Bổ nhiệm chức danh Trợ lý HĐQT
10	12/2020/NQ-NLSG	12/08/2020	Thông qua việc vay vốn tại TNHH MTV Shinhan Việt Nam.
11	13/2020/NQ-NLSG	28/08/2020	Nộp tiền sử dụng đất bổ sung theo thông báo số 11884/TB-CT của Cục thuế TP.HCM ban hành ngày 20/06/2019 cho khu đất 105 Lê Lợi, Quận Gò Vấp.
12	14/2020/NQ-NLSG	30/09/2020	Thông qua việc sửa đổi bổ sung và ban hành lại Quy định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.

c. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty: là 5/6 người.

## 2. Ban kiểm toán nội bộ :

### a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm toán nội bộ:

- Tại đại hội cổ đông thường niên 2017 và nhiệm kỳ V (2018-2022) được tổ chức vào ngày 30/3/2018, ĐHCĐ biểu quyết thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội Đồng Quản trị - Ban kiểm toán nội bộ.
- Tổng Giám Đốc.



- Ngày 30/3/2018 Hội Đồng Quản Trị đã thành lập tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản trị Công ty gồm 01 Trưởng ban và 01 Thành viên. HĐQT phân công Ông Nguyễn Văn Khoa làm Trưởng ban và quyết định chọn Bà Phan Thị Chung là thành viên .
- Ngày 01/9/2018 Bà Phan Thị Chung thành viên nghỉ hưu theo chế độ. Hiện nay Công ty có 01 Trưởng ban kiểm toán nội bộ là Ông Nguyễn Văn Khoa.

**b. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ :**

Trong năm 2019-2020, Ban kiểm toán đã thực hiện các công việc trọng tâm sau đây:

- + Kiểm tra và giám sát thực hiện theo các nội dung mà nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua
  - + Thu thập thông tin, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác giám sát, phân tích Báo cáo tài chính định kỳ, đảm bảo tính kịp thời và có chất lượng.
  - + Thực hiện thẩm định, phân tích, đánh giá về tình hình, kết quả kinh doanh và công tác quản trị doanh nghiệp theo định kỳ.
  - + Tham gia rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý, ... về quản trị nội bộ Công ty.
  - + Tham gia ý kiến trong việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019-2020
  - + Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy công ty và quy định quản lý của luật pháp.
  - + Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán năm 2019- 2020, về việc bảo quản tài sản của Công ty.
  - + Kiểm tra số liệu về hoạt động cho thuê mặt bằng bến bãi của Công ty.
  - + Kiểm tra việc báo cáo tình hình công nợ tại các đơn vị;
  - + Kiểm tra tiền – hàng tại các cửa hàng xăng dầu định kỳ. Báo cáo và kiến nghị ban điều hành trong việc thực hiện và quản lý tiền hàng.
  - + Giám sát tình hình ký kết các hợp đồng mua bán hàng với các đơn vị có quyền lợi liên quan.
  - + Thực hiện các công việc có liên quan khác của Công ty.
  - + Ban Kiểm Toán ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của BTGD cũng như các bộ phận quản lý của Công ty. Đồng thời Ban kiểm toán cũng không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của BTGD trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Năm 2019-2020, Ban kiểm toán cũng đã thực hiện một số công việc khác như sau:
- + Định ký hàng quý thông báo tình hình SXKD, tài chính, các hoạt động đầu tư, hoạt động khác của Công ty phát sinh trong quý và xây dựng chương trình công tác của Ban kiểm toán trong quý sau.
  - + Tham dự các cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT; tham gia ý kiến trực tiếp về việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế của Công ty có liên quan trong hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và BTGD.

- + Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm Toán được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời các hoạt động của Công ty để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- + Kiểm tra việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm 2019-2020 đưa ra các kiến nghị Ban Điều hành trong việc tuân thủ các quy định của Bộ tài chính về các chính sách tài chính, thuế trong hoạt động kinh doanh, đề nghị khắc phục những sai sót.
- + Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy Công ty và quy định quản lý của luật pháp.
- + Thăm định báo cáo tài chính hàng quý, năm 2019-2020.
- + Xem xét báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán năm 2019-2020.

#### **Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, cụ thể:**

- ✓ **Về cổ tức:** Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 33.704.457.000 đồng (tương ứng 30% /VĐL) theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2019/NQ-NLSG ngày 20/12/2019.
- ✓ **Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:**
  - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019-2020 đạt **28.559 tỷ đồng** bằng 76% so kế **hoạch 37,5 tỷ đồng, giảm 8,94 tỷ (tỷ lệ giảm 24%)** so với kế hoạch.
  - Thù lao HĐQT là 766.689.600 đồng giảm 136.910.400 so với kế hoạch 903,6 triệu đồng
- ✓ Được sự ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị đã có nghị quyết số 06/2020/NQ-NLSG ngày 17/03/2020 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019-2020 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam và giám sát tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn trong năm 2019-2020 như sau:
  - **Nhận xét và kết luận chung về Báo cáo tài chính năm 2019 -2020:**
    - + Báo cáo tài chính năm 2019-2020 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn và được trình bày theo đúng quy định của Bộ Tài Chính. Việc sắp xếp, lưu trữ gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát.
    - + Báo cáo tài chính năm 2019-2020 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành. Sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính rõ ràng, số liệu chính xác, kịp

thời. Công tác quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ chặt chẽ, thực hiện theo đúng qui định. Công tác kê khai và nộp thuế đầy đủ không để xảy ra các vi phạm.

- + Về việc công bố thông tin: Công ty đã thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin định kỳ trên Sở Giao Dịch chứng khoán TP HCM theo đúng qui định của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- + Kiểm tra việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm 2019-2020 đưa ra các kiến nghị Ban Điều hành trong việc tuân thủ các qui định của Bộ tài chính về các chính sách tài chính, thuế trong hoạt động kinh doanh, đề nghị khắc phục những sai sót.
- + Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy Công ty và quy định quản lý của luật pháp.
- + Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm 2019-2020 của Công CP Nhiên Liệu Sài Gòn.
- + Xem xét báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán năm 2019-2020.

- **Kết quả giám sát đối với thành viên Ban Tổng Giám Đốc**

- Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty qui định; đã tổ chức quản lý và điều hành Công ty đạt 76% chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2019 -2020 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
- Trong năm 2019-2020 định kỳ Ban Tổng giám đốc đều tổ chức họp giao ban mở rộng với các trưởng đơn vị trực thuộc. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT và Đại hội cổ đông đều được trình theo đúng phân cấp quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

- **Nhận xét đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm toán nội bộ với Ban Tổng Giám Đốc:**

Ban Kiểm toán nội bộ được cung cấp tài liệu đầy đủ và mời tham dự các cuộc họp định kỳ do Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc chủ trì để giám sát và tham gia ý kiến các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty. Đồng thời Ban kiểm toán nội bộ cũng thường xuyên phản hồi đến HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc về kết quả kiểm tra, hoạt động của mình và đề nghị các cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, tuân thủ các qui định pháp lý, điều lệ, quy chế của Công ty.

Nhìn chung những ý kiến đóng góp và phản hồi của Ban Kiểm toán nội bộ với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý về hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản đều được trao đổi thẳng thắn, công khai.

**Kiến nghị của Ban kiểm toán :**

Ban Kiểm Toán Nội Bộ đề nghị Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2020-2021 cần tập trung một số công việc sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh tại các cửa hàng xăng dầu về công tác bán hàng, công nợ, phòng chống cháy nổ...
- Nâng cao ý thức người lao động trong việc bán hàng nhằm tạo niềm tin người tiêu dùng đối với thương hiệu của công ty,
- Nâng cao ý thức người lao động về công tác phòng chống cháy nổ nhằm bảo quản tốt tài sản, hàng hóa của công ty, tránh những sự cố đáng tiếc xảy ra.

### **3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích: của thành viên HĐQT và BTGD:**

#### **a/ Thù lao của HĐQT (bao gồm thuế thu nhập cá nhân):**

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 16.666.667 đồng/tháng.
- Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị: 12.750.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị: 10.000.000 đồng/tháng.

#### **b/ Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc:**

- Lương, trợ cấp của Tổng Giám Đốc: 60.900.000 đồng/tháng.  
Lương tháng 13: 60.900.000 đồng.
- Lương, trợ cấp của Phó Tổng Giám Đốc: 22.092.789 đồng/tháng  
Lương tháng 13: 22.092.789 đồng

#### **c/ Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Trọng Hiêu	Chủ tịch HĐQT	1.344.345	11,91	1.344.345	11,91	Đầu tư

#### **e/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

- Giao dịch giữa công ty với các công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, TGD điều hành trong thời gian **ba năm trở lại đây**.
- Ngày 12/12/2017 Hội đồng Quản trị thông qua việc ký hợp đồng mua dầu nhờn Revotec với Công ty Cổ phần Dầu Nhờn STS và Ký hợp đồng bán xăng dầu với Công ty Cổ phần Dầu Nhờn STS để thực hiện chương trình khuyến mãi.
- Ngày 26/7/2018 Hội đồng Quản trị thông qua việc ký hợp đồng mua xăng dầu như sau:  
+ Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty Cổ phần Xăng Dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS (Công ty Mẹ).

- + Đối với nguồn hàng xăng Ron 92-E5 (Nhiên liệu sinh học) khi có văn bản ủy quyền của Công Ty CP Xăng dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS, Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng Ron 92-E5 với Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố Hồ Chí Minh (Cổ đông lớn).
- Ngày 19/6/2019 Hội đồng Quản trị thông qua việc ký phụ lục hợp đồng mua xăng dầu như sau:
  - + Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty Cổ phần Xăng Dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS (Công ty Mẹ).
  - + Đối với nguồn hàng xăng Ron 92-E5 (Nhiên liệu sinh học) Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng Ron 92-E5 với Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố Hồ Chí Minh (Cổ đông lớn), và thực hiện mua hàng khi chiết khấu bán hàng so với giá bán lẻ bằng, hoặc cao hơn mức chiết khấu quy định tại khoản c Điều 1 của nghị quyết số 07/2019/NQ-NLSG ngày 19/6/2019. Đồng thời cân đối phương tiện vận tải đảm bảo hiệu quả, các nội dung khác của hợp đồng mua hàng phải đúng theo Điều 1 của Nghị quyết trên.
- Ngày 2/1/2020 Hội đồng Quản trị thông qua việc ký phụ lục hợp đồng mua xăng dầu như sau:
  - + Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty Cổ phần Xăng Dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS (Công ty Mẹ).
  - + Đối với nguồn hàng xăng Ron 92-E5 (Nhiên liệu sinh học) Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng Ron 92-E5 với Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố Hồ Chí Minh (Cổ đông lớn), và thực hiện mua hàng khi chiết khấu bán hàng so với giá bán lẻ bằng, hoặc cao hơn mức chiết khấu quy định tại khoản c Điều 1 của nghị quyết số 04/2020/NQ-NLSG ngày 02/01/2020. Đồng thời cân đối phương tiện vận tải đảm bảo hiệu quả, các nội dung khác của hợp đồng mua hàng phải đúng theo Điều 1 của Nghị quyết trên.

**f/ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :**

Trong năm 2019-2020 (12 tháng) Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định theo luật định đối với công tác quản trị Công ty .

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Phan Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc	01/07/2015
Bà Bùi Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc	01/03/2016

**Kế toán trưởng**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Phạm Thị Thu Nga	Kế toán trưởng	29/03/2019

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phan Ngọc Hùng - Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015).

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 và tình hình tái chính vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020.

## 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước (là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 70/2000/QĐ/TTg ngày 20 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0300631013, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 09 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 112.914.590.000 VND  
(Một trăm mười hai tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng)  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND  
Tổng số cổ phần: 11.291.459 cổ phần  
Mã chứng khoán: SFC  
Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 39 979 292
- Fax : (028) 39 979 555
- Website : www.sfc.com.vn
- Email : info@sfc.com.vn

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, cho thuê căn phòng, căn hộ cao cấp, cho thuê mặt bằng, cửa hàng; kinh doanh bất động sản;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ kinh doanh nhớt phế thải); và
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ bán buôn nhớt phế thải).

## 2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	30/03/2018
Ông Phan Ngọc Hùng	Ủy viên thường trực	30/03/2018
Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	30/03/2018
Ông Phạm Trần Hiền	Thành viên	30/03/2018
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	30/03/2018

### Ban kiểm toán nội bộ

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Khoa	Trưởng ban	30/03/2018

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**PHAN NGỌC HÙNG**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2020





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 11 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

- Như được nêu tại mục 2.1 Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, Công ty chuyển đổi năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau. Do đó, các số liệu so sánh của kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 trên Báo cáo tài chính đính kèm là số liệu chưa được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập.
- Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 05 tháng 12 năm 2019.



**BÙI TUYẾT VÂN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0071-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2020

**NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2782-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>190.574.077.789</b>	<b>202.423.596.404</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	169.294.455.006	160.705.634.726
Tiền	111		20.294.455.006	15.705.634.726
Các khoản tương đương tiền	112		149.000.000.000	145.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.739.356.785	9.528.475.096
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.868.062.041	8.389.723.055
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	486.279.275	1.086.578.659
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	784.279.469	426.691.782
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(399.264.000)	(374.518.400)
Hàng tồn kho	140	5.6	13.352.252.784	31.485.443.197
Hàng tồn kho	141		13.352.252.784	31.485.443.197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		188.013.214	704.043.385
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	175.727.560	704.043.385
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	12.285.654	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>134.626.960.715</b>	<b>149.458.899.717</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	5.000.000	5.000.000
Tài sản cố định	220		91.733.201.567	105.423.111.892
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	32.345.911.986	43.569.913.031
Nguyên giá	222		71.709.280.712	82.542.440.881
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.363.368.726)	(38.972.527.850)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	59.387.289.581	61.853.198.861
Nguyên giá	228		68.731.740.865	68.731.740.865
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.344.451.284)	(6.878.542.004)
Bất động sản đầu tư	230	5.10	33.283.970.534	34.284.256.139
Nguyên giá	231		41.556.799.362	41.556.799.362
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.272.828.828)	(7.272.543.223)
Tài sản dở dang dài hạn	240		988.520.359	952.099.640
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	988.520.359	952.099.640
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	6.358.040.000	6.546.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.296.000.000	10.296.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.937.960.000)	(3.750.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		2.258.228.255	2.248.432.046
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	677.031.917	1.130.024.881
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	1.581.196.338	1.118.407.165
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>325.201.038.504</b>	<b>351.882.496.121</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>140.314.797.940</b>	<b>153.737.306.340</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.435.182.632</b>	<b>140.023.263.591</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	20.577.229.157	3.976.355.923
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		218.398.440	74.929.190
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	33.898.547.918	34.827.354.070
Phải trả người lao động	314	5.16	3.869.698.409	6.819.521.853
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	157.950.452	247.536.383
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	9.389.723.323	8.817.280.266
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	56.233.511.118	83.474.080.121
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.20	1.090.123.815	1.786.205.785
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.879.615.308</b>	<b>13.714.042.749</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	5.228.024.100	5.490.424.100
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.21	9.651.591.208	8.223.618.649
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>184.886.240.564</b>	<b>198.145.189.781</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.22	<b>184.886.240.564</b>	<b>198.145.189.781</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		112.914.590.000	112.914.590.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		112.914.590.000	112.914.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		9.220.495.600	9.220.495.600
Cổ phiếu quỹ	415		(1.414.603.444)	(1.414.603.444)
Quỹ đầu tư phát triển	418		39.398.471.894	39.398.471.894
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.767.286.514	38.026.235.731
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.321.778.731	16.574.553.186
LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.445.507.783	21.451.682.545
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>325.201.038.504</b>	<b>351.882.496.121</b>



**NGUYỄN TÂN NGHĨA**  
Người lập biểu



**PHẠM THỊ THU NGA**  
Kế toán trưởng



**PHAN NGỌC HÙNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>912.172.004.403</b>	<b>1.261.782.719.789</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		87.083.954	101.390.820
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>6.1.1</b>	<b>912.084.920.449</b>	<b>1.261.681.328.969</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>821.636.267.553</b>	<b>1.151.693.456.367</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>90.448.652.896</b>	<b>109.987.872.602</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.717.131.440	7.256.020.278
Chi phí tài chính	22	6.4	1.914.852.471	2.687.957.654
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.726.892.471</i>	<i>2.687.957.654</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	51.191.636.833	56.156.613.875
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	13.796.865.535	20.863.771.280
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>28.262.429.497</b>	<b>37.535.550.071</b>
Thu nhập khác	31	6.7	1.619.556.112	140.085.254
Chi phí khác	32	6.8	1.322.534.427	561.216.996
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>297.021.685</b>	<b>(421.131.742)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>28.559.451.182</b>	<b>37.114.418.329</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	6.305.009.486	8.145.434.239
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	(462.789.173)	(462.789.172)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>22.717.230.869</b>	<b>29.431.773.262</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 70 6.10.1 1.820 2.301

**NGUYỄN TÂN NGHĨA**  
Người lập biểu

**PHẠM THỊ THU NGA**  
Kê toán trưởng



**PHAN NGỌC HÙNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

	Mã số	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	28.559.451.182	37.114.418.329
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.302.373.341	9.431.097.598
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	1.640.678.159	3.552.326.095
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.259.582.193)	(7.256.020.278)
Chi phí lãi vay	06	1.726.892.471	2.687.957.654
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>36.969.812.960</b>	<b>45.529.779.398</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.259.709.170	1.198.550.361
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	18.133.190.413	(8.287.089.151)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	12.606.702.365	(13.378.742.971)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	414.766.851	(29.912.065)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.784.816.076)	(2.740.524.713)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.780.492.398)	(10.008.959.179)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	281.844.000	281.844.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.249.649.056)	(4.203.833.603)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>58.851.068.229</b>	<b>8.361.112.077</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.807.869.305)	(2.415.510.356)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	7.931.363.636	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.581.830.073	8.263.398.358
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>10.705.324.404</b>	<b>5.847.888.002</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	518.357.634.525	402.545.890.121
Tiền trả nợ gốc vay	34	(545.598.203.528)	(522.949.845.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.727.003.350)	(33.736.661.810)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(60.967.572.353)</b>	<b>(154.140.616.689)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>8.588.820.280</b>	<b>(139.931.616.610)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>160.705.634.726</b>	<b>300.637.251.336</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>169.294.455.006</b>	<b>160.705.634.726</b>

NGUYỄN TÂN NGHĨA  
Người lập biểu

PHẠM THỊ THU NGÀ  
Kế toán trưởng



PHAN NGỌC HƯNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0300631013, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 09 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 112.914.590.000 VND  
(Một trăm mười hai tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng)  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND  
Tổng số cổ phần: 11.291.459 cổ phần  
Mã chứng khoán: SFC  
Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, cho thuê căn phòng, căn hộ cao cấp, cho thuê mặt bằng, cửa hàng; kinh doanh bất động sản;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ kinh doanh nhớt phế thải); và
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ bán buôn nhớt phế thải).

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 20	387A Lê Văn Khương, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 10	784 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 21	Lô V1, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 148E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
4. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 24	64 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
5. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 17	401 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 5	234 Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 13	118 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
8. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 11	186 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
9. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 19	247 Lê Quang Định, Phường 1, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
10. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 6	9 Bis Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
11. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 12	912 Võ Văn Kiệt, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
12. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 8	135 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
13. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 4	167 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
14. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 16	260A Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
15. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 3	16A Quốc lộ 22, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
16. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 18	A21 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
17. Chi nhánh Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 9	52 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
18. Chi nhánh Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng Dầu nhờn 825	825 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
19. Chi nhánh Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	118 Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

Tên đơn vị	Địa chỉ
20. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	1438 Phạm Thế Hiển, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
21. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Nhà hàng Mười Tám	18 Nguyễn Huy Tự, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
22. Kho xăng dầu 30/4	26 Chuyên Dúng 9, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
23. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhờn 103	103 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
24. Cửa hàng kinh doanh Gas (LPG)	263 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
25. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhờn 406	406 Lê Văn Sỹ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
26. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 456	456 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
27. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhờn 263	263 Ngô Quyền, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
28. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhờn 138	138B Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
29. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhờn 89	M5 Lê Hoàng Phái, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
30. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhờn 67	67 Phú Thọ, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

#### 1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 190 người (tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 là 222 người).

#### 1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính của năm trước.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, các cổ đông của Công ty đồng ý thay đổi niên độ kế toán:

- Năm tài chính của Công ty cho niên độ kế toán 2019 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2019.
- Năm tài chính tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

## 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### **Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng, thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng, thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho của xăng, dầu, nhớt được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho của bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng, thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

##### *Chi phí trả trước ngắn hạn*

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, chi phí sửa chữa và chi phí khác đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

##### *Chi phí trả trước dài hạn*

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để mở rộng trạm kinh doanh xăng dầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

#### 4.8 Tài sản cố định vô hình

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm*

Giá mua của chương trình phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

#### 4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất	48 – 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 50

#### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả dài hạn là Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, thời điểm trích lập quỹ là thời điểm cuối năm tài chính.

#### 4.13 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê mặt bằng*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

### 4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### **4.19 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.20 Công cụ tài chính**

##### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại của khoản nợ phải trả tài chính.

##### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.21 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Bên liên quan của Hàng hải S.T.S
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
Tiền mặt tại quỹ – VND	1.894.914.500	2.176.598.310
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	18.399.540.506	13.529.036.416
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng – VND	149.000.000.000	145.000.000.000
	<b>169.294.455.006</b>	<b>160.705.634.726</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	15.005.260	15.991.750
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	2.075.400	4.875.600
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Xe cho thuê Mai Linh	434.819.540	438.010.600
Công ty cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	362.039.210	426.663.090
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Green Leaf Việt Nam	424.106.264	559.622.278
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Phương Thịnh	365.147.140	102.840.330
Công ty TNHH Xây dựng và Khảo sát công trình Thanh Tuấn	349.275.650	-
Các khách hàng khác	4.915.593.577	6.841.719.407
	<b>6.868.062.041</b>	<b>8.389.723.055</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>		
DNTN Thương mại Vạn Phước	442.979.675	421.885.405
Các nhà cung cấp khác	43.299.600	664.693.254
	<u>486.279.275</u>	<u>1.086.578.659</u>

**5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	30/09/2020 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/10/2019 Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	352.589.039	-	217.287.672	-
Tạm ứng cho nhân viên	309.772.000	-	75.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	121.918.430	-	134.404.110	-
	<u>784.279.469</u>	<u>-</u>	<u>426.691.782</u>	<u>-</u>

**5.4.2 Phải thu dài hạn khác**

	Giá trị VND	30/09/2020 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/10/2019 Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Đặt cọc dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
	<u>5.000.000</u>	<u>-</u>	<u>5.000.000</u>	<u>-</u>

**5.5 Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	30/09/2020 Dự phòng đã trích lập VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/10/2019 Dự phòng đã trích lập VND
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>						
• Công ty cổ phần Đầu tư Nhật Nam Á	Trên 3 năm	331.400.000	(331.400.000)	Trên 3 năm	331.400.000	(331.400.000)
• Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Tây Phương	Trên 3 năm	6.000.000	(6.000.000)	Trên 3 năm	6.000.000	(6.000.000)
• Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Trên 1 năm	123.728.000	(61.864.000)	Trên 6 tháng	123.728.000	(37.118.400)
		<u>461.128.000</u>	<u>(399.264.000)</u>		<u>461.128.000</u>	<u>(374.518.400)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Nợ xấu (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Số dư đầu năm	374.518.400	337.400.000
Dự phòng trong năm	24.745.600	37.118.400
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>399.264.000</b>	<b>374.518.400</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	Giá gốc VND	30/09/2020 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/10/2019 Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	18.144.472.727	-
Nguyên liệu, vật liệu	84.481.621	-	110.179.534	-
Công cụ, dụng cụ	17.881.359	-	23.485.449	-
Hàng hóa	13.249.889.804	-	13.207.305.487	-
	<b>13.352.252.784</b>	<b>-</b>	<b>31.485.443.197</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	38.711.438	197.338.493
Chi phí thuê đất	-	259.882.924
Chi phí sửa chữa	43.266.665	55.547.176
Chi phí khác	93.749.457	191.274.792
	<b>175.727.560</b>	<b>704.043.385</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
Chi phí giải tỏa mặt bằng	-	312.500.035
Chi phí công cụ, dụng cụ	150.378.284	539.437.325
Chi phí sửa chữa	470.478.439	275.180.588
Chi phí khác	56.175.194	2.906.933
	<b>677.031.917</b>	<b>1.130.024.881</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/10/2019	40.215.592.180	22.423.365.208	14.189.703.453	5.713.780.040	82.542.440.881
Tăng trong năm	1.549.809.447	592.180.000	-	292.558.909	2.434.548.356
Thanh lý	(1.060.370.698)	(359.579.828)	(11.847.757.999)	-	(13.267.708.525)
Tại ngày 30/09/2020	<b>40.705.030.929</b>	<b>22.655.965.380</b>	<b>2.341.945.454</b>	<b>6.006.338.949</b>	<b>71.709.280.712</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/10/2019	16.590.045.296	14.770.929.371	4.780.410.830	2.831.142.353	38.972.527.850
Khấu hao trong năm	2.166.821.373	1.869.133.477	1.126.541.504	673.682.102	5.836.178.456
Thanh lý	(568.316.083)	(359.579.828)	(4.517.441.669)	-	(5.445.337.580)
Tại ngày 30/09/2020	<b>18.188.550.586</b>	<b>16.280.483.020</b>	<b>1.389.510.665</b>	<b>3.504.824.455</b>	<b>39.363.368.726</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/10/2019	23.625.546.884	7.652.435.837	9.409.292.623	2.882.637.687	43.569.913.031
Tại ngày 30/09/2020	<b>22.516.480.343</b>	<b>6.375.482.360</b>	<b>952.434.789</b>	<b>2.501.514.494</b>	<b>32.345.911.986</b>
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>					
Tại ngày 01/10/2019	5.398.739.585	4.656.299.170	-	398.404.209	10.453.442.964
Tại ngày 30/09/2020	<b>5.377.629.185</b>	<b>5.474.065.297</b>	-	<b>398.404.209</b>	<b>11.250.098.691</b>

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/10/2019	67.316.740.865	1.415.000.000	68.731.740.865
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/09/2020	<b>67.316.740.865</b>	<b>1.415.000.000</b>	<b>68.731.740.865</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/10/2019	6.270.482.273	608.059.731	6.878.542.004
Hao mòn trong năm	2.323.557.828	142.351.452	2.465.909.280
Tại ngày 30/09/2020	<b>8.594.040.101</b>	<b>750.411.183</b>	<b>9.344.451.284</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/10/2019	61.046.258.592	806.940.269	61.853.198.861
Tại ngày 30/09/2020	<b>58.722.700.764</b>	<b>664.588.817</b>	<b>59.387.289.581</b>

(\*) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 764-93, tờ bản đồ số 21, Lô V1, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian sử dụng đến ngày 09/11/2047.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1069, tờ bản đồ số 2, 1A Phạm Ngọc Thạch, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian sử dụng đến ngày 01/01/2046.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

### 5.10 Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/10/2019	17.313.043.291	24.243.756.071	41.556.799.362
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/09/2020	<b>17.313.043.291</b>	<b>24.243.756.071</b>	<b>41.556.799.362</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/10/2019	2.947.024.603	4.325.518.620	7.272.543.223
Khấu hao trong năm	351.262.152	649.023.453	1.000.285.605
Tại ngày 30/09/2020	<b>3.298.286.755</b>	<b>4.974.542.073</b>	<b>8.272.828.828</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/10/2019	14.366.018.688	19.918.237.451	34.284.256.139
Tại ngày 30/09/2020	<b>14.014.756.536</b>	<b>19.269.213.998</b>	<b>33.283.970.534</b>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê:

Tại ngày 01/10/2019	-	104.400.000	104.400.000
Tại ngày 30/09/2020	-	<b>280.884.000</b>	<b>280.884.000</b>

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
	VND	VND	VND
Công trình siêu thị Co.opmart Bình Triệu	23.962.872.071	4.693.658.073	19.269.213.998
Quyền sử dụng đất tại 525 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	9.332.018.107	1.888.406.108	7.443.611.999
Quyền sử dụng đất tại 31 Nguyễn An Khương, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	8.261.909.184	1.690.764.647	6.571.144.537
	<b>41.556.799.362</b>	<b>8.272.828.828</b>	<b>33.283.970.534</b>

### 5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/10/2019	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tài sản cố định	Tại ngày 30/09/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>				
- Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch	915.900.909	-	-	915.900.909
- Các công trình khác	36.198.731	1.445.157.365	(1.408.736.646)	72.619.450
	<b>952.099.640</b>	<b>1.445.157.365</b>	<b>(1.408.736.646)</b>	<b>988.520.359</b>

**5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Giá gốc	Dự phòng	30/09/2020	Giá gốc	Dự phòng	01/10/2019
	VND	VND	Giá trị hợp lý VND	VND	VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	10.000.000.000	(3.750.000.000)	(*)	10.000.000.000	(3.750.000.000)	(*)
Công ty cổ phần cà phê Petec	296.000.000	(187.960.000)	108.040.000	296.000.000	-	296.000.000
	<b>10.296.000.000</b>	<b>(3.937.960.000)</b>		<b>10.296.000.000</b>	<b>(3.750.000.000)</b>	

*Giá trị hợp lý:*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Tình hình góp vốn vào đơn vị khác:*

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận	Tại ngày 30/09/2020	
			Số cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ %
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	Kinh doanh bất động sản	378.700.000.000	37.870.000	625.000 1,65
Công ty cổ phần cà phê Petec	Mua bán cà phê, nông lâm	30.000.000.000	3.000.000	29.200 0,97

**Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Số dư đầu năm	3.750.000.000	3.750.000.000
Dự phòng trong năm	187.960.000	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.937.960.000</b>	<b>3.750.000.000</b>

**5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	01/10/2019	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	30/09/2020
	VND	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ</i>			
Chi phí khấu hao quyền sử dụng đất tại 1A Phạm Ngọc Thạch	1.118.407.165	462.789.173	1.581.196.338
	<b>1.118.407.165</b>	<b>462.789.173</b>	<b>1.581.196.338</b>

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/09/2020		01/10/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	18.556.100.000	18.556.100.000	2.610.000.000	2.610.000.000
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	1.125.315.000	1.125.315.000	1.116.368.832	1.116.368.832
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>				
Các nhà cung cấp khác	895.814.157	895.814.157	249.987.091	249.987.091
	<b>20.577.229.157</b>	<b>20.577.229.157</b>	<b>3.976.355.923</b>	<b>3.976.355.923</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/10/2019		Số phát sinh trong năm		30/09/2020	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	2.110.098.773	38.284.535.973	(37.720.959.221)	-	2.673.675.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.062.470.524	6.305.009.486	(5.780.492.398)	-	1.586.987.612
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.411.104	915.980.400	(941.677.158)	12.285.654	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	25.922.860.000	279.468.050.000	(281.613.034.000)	-	23.777.876.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.718.513.669	11.594.351.105	(11.452.855.993)	-	5.860.008.781
Các loại thuế khác	-	-	798.732.770	(798.732.770)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>34.827.354.070</b>	<b>337.366.659.734</b>	<b>(338.307.751.540)</b>	<b>12.285.654</b>	<b>33.898.547.918</b>

**Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")**

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.559.451.182	37.114.418.329
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
<i>Chi phí không được trừ</i>	651.650.384	1.298.807.004
<i>Chênh lệch tạm thời của chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	2.313.945.864	2.313.945.864
Thu nhập tính thuế	<b>31.525.047.430</b>	<b>40.727.171.197</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.305.009.486</b>	<b>8.145.434.239</b>

**Thuế bảo vệ môi trường**

Công ty nộp thuế bảo vệ môi trường theo quy định của Luật thuế Bảo vệ môi trường với các mức thuế như sau:

- Xăng, trừ etanol	4.000 VND/ lít
- Dầu diesel	2.000 VND/ lít

**Tiền thuế đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.16 Phải trả người lao động**

	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
Tiền lương phải trả	3.744.456.409	6.680.265.853
Tiền cơm	125.242.000	139.256.000
	<b>3.869.698.409</b>	<b>6.819.521.853</b>

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	62.195.761	120.119.366
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	95.754.691	127.417.017
	<b>157.950.452</b>	<b>247.536.383</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

### 5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

#### 5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành – hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	7.895.618.740	7.032.270.667
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	505.215.600	476.215.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	880.908.710	1.101.662.340
Cổ tức phải trả	10.066.440	32.612.790
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	97.913.833	174.518.869
	<b>9.389.723.323</b>	<b>8.817.280.266</b>

(\*) Khoản phải trả Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành do hai bên chưa thống nhất, hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2013/HĐHTKD-SFC&DOTHANHREAL ngày 09 tháng 7 năm 2013.

#### 5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
• Liên hiệp HTX Thương mại TP. Hồ Chí Minh (Sài Gòn Co.op)	2.361.824.100	2.361.824.100
• Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành	1.500.000.000	1.500.000.000
• Các đối tượng khác	1.366.200.000	1.628.600.000
	<b>5.228.024.100</b>	<b>5.490.424.100</b>

### 5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Giá trị VND	30/09/2020 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	01/10/2019 Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngân hàng</i>				
• Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	36.488.981.118	36.488.981.118	57.587.080.121	57.587.080.121
• Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)	19.744.530.000	19.744.530.000	25.887.000.000	25.887.000.000
	<b>56.233.511.118</b>	<b>56.233.511.118</b>	<b>83.474.080.121</b>	<b>83.474.080.121</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

### Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Thư tín dụng số STVN1508-19 ngày 09 tháng 9 năm 2019.  
Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.  
Thời hạn hạn mức: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng vay.  
Lãi suất vay: theo từng lần nhận nợ cụ thể.  
Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số BC\_HĐTD/SFC/20130813 ngày 13 tháng 8 năm 2013 và Phụ lục hợp đồng số BC\_PLHD/SFC/202008 ngày 14 tháng 8 năm 2020.  
Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.  
Thời hạn hạn mức: đến hết ngày 13 tháng 8 năm 2021.  
Lãi suất vay: theo từng lần nhận nợ cụ thể.  
Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/10/2019	Phát sinh trong năm		30/09/2020
	VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	83.474.080.121	518.357.634.525	(545.598.203.528)	56.233.511.118
	<u>83.474.080.121</u>	<u>518.357.634.525</u>	<u>(545.598.203.528)</u>	<u>56.233.511.118</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 5.20 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/10/2019	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác (*)	Chi quỹ trong năm	30/09/2020
	VND	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	825.007.139	1.135.861.543	281.844.000	(1.648.599.000)	594.113.682
Quỹ phúc lợi	394.166.529	1.135.861.543	-	(1.193.545.432)	336.482.640
Quỹ thưởng HĐQT	567.032.117	-	-	(407.504.624)	159.527.493
	<u>1.786.205.785</u>	<u>2.271.723.086</u>	<u>281.844.000</u>	<u>(3.249.649.056)</u>	<u>1.090.123.815</u>

(\*) Đây là cổ tức của cổ phiếu được mua bằng nguồn quỹ khen thưởng.

### 5.21 Dự phòng phải trả dài hạn

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường		
Số dư đầu năm	8.223.618.649	4.708.410.954
Dự phòng trong năm	1.427.972.559	3.515.207.695
Số dư cuối năm	<u>9.651.591.208</u>	<u>8.223.618.649</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

**5.22 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**5.22.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/10/2018	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	45.876.120.608	205.995.074.658
Lãi trong năm	-	-	-	-	29.431.773.262	29.431.773.262
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng HĐQT	-	-	-	-	(3.577.201.139)	(3.577.201.139)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(33.704.457.000)	(33.704.457.000)
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>9.220.495.600</b>	<b>(1.414.603.444)</b>	<b>39.398.471.894</b>	<b>38.026.235.731</b>	<b>198.145.189.781</b>
Tại ngày 01/10/2019	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	38.026.235.731	198.145.189.781
Lãi trong năm	-	-	-	-	22.717.230.869	22.717.230.869
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.271.723.086)	(2.271.723.086)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(33.704.457.000)	(33.704.457.000)
<b>Tại ngày 30/09/2020</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>9.220.495.600</b>	<b>(1.414.603.444)</b>	<b>39.398.471.894</b>	<b>24.767.286.514</b>	<b>184.886.240.564</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

**5.22.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/09/2020		01/10/2019	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	57.586.340.000	51,00	57.586.340.000	51,00
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh	22.597.080.000	20,01	22.597.080.000	20,01
Các cổ đông khác	32.731.170.000	28,99	32.731.170.000	28,99
	<b>112.914.590.000</b>	<b>100,00</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>100,00</b>

**5.22.3 Cổ phiếu**

	30/09/2020	01/10/2019
Số lượng cổ phiếu đang kỳ phát hành	11.291.459	11.291.459
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	11.291.459	11.291.459
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	(56.640)	(56.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	11.234.819	11.234.819
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

**5.22.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2019 và tạm trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2019-2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019, chi tiết như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2019:	
• Cổ tức cho các cổ đông	33.704.457.000
Tạm trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2019-2020:	
• Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.271.723.086

**5.23 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Hàng hóa nhận giữ hộ**

	30/09/2020		01/10/2019	
Số lượng (lit)	VND	Số lượng (lit)	VND	
Dầu DO 0,05S	34.426	311.808.162	53.516	532.013.762
Xăng RON 95 - III	162.465	2.149.151.347	-	-
Xăng RON 95 - IV	-	-	162.675	2.207.825.100
Xăng E5 Ron 92 - II	34.871	527.747.770	48.848	697.168.914
		<b>2.988.707.279</b>		<b>3.437.007.776</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu

##### 6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	893.571.015.082	1.242.725.020.919
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.600.989.321	19.057.698.870
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>912.172.004.403</b>	<b>1.261.782.719.789</b>

*Các khoản giảm trừ doanh thu*

Chiết khấu thương mại	(87.083.954)	(101.390.820)
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(87.083.954)</b>	<b>(101.390.820)</b>

<b>Doanh thu thuần</b>	<b>912.084.920.449</b>	<b>1.261.681.328.969</b>
------------------------	------------------------	--------------------------

##### 6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	167.003.090	175.019.245
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	32.940.600	39.031.638

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Giá vốn hàng hóa	820.635.981.948	1.150.688.666.223
Giá vốn dịch vụ	1.000.285.605	1.004.790.144
<b>Tổng giá vốn hàng bán</b>	<b>821.636.267.553</b>	<b>1.151.693.456.367</b>

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Lãi tiền gửi	4.717.131.440	7.256.020.278
<b>Tổng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>4.717.131.440</b>	<b>7.256.020.278</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

6.4 Chi phí tài chính	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Chi phí lãi vay	1.726.892.471	2.687.957.654
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	187.960.000	-
	<u>1.914.852.471</u>	<u>2.687.957.654</u>
6.5 Chi phí bán hàng	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Chi phí nhân viên	22.264.851.673	30.003.778.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.837.506.308	4.973.503.136
Chi phí thuê đất	11.652.336.331	9.093.361.792
Chi phí khác	12.436.942.521	12.085.970.693
	<u>51.191.636.833</u>	<u>56.156.613.875</u>
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Chi phí nhân viên	5.602.077.298	9.690.994.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.464.581.428	3.452.804.318
Dự phòng rủi ro thiệt hại môi trường	1.427.972.559	3.515.207.695
Chi phí khác	3.302.234.250	4.204.764.630
	<u>13.796.865.535</u>	<u>20.863.771.280</u>
6.7 Thu nhập khác	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Thu bồi thường giải phóng mặt bằng	1.519.849.835	-
Thu nhập khác	99.706.277	140.085.254
	<u>1.619.556.112</u>	<u>140.085.254</u>
6.8 Chi phí khác	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định (*)	457.549.247	-
Chi phí sử dụng đất bổ sung tại 105 Lê Lợi theo thông báo số 11884/TB-CT của Cục thuế TP, Hồ Chí Minh	765.732.770	-
Phạt vi phạm hành chính	53.559.475	554.080.600
Chi phí khác	45.692.935	7.136.396
	<u>1.322.534.427</u>	<u>561.216.996</u>

(\*) Lỗ thanh lý tài sản cố định bao gồm lãi thanh lý tài sản cố định là 166.156.025 VND và chi phí giải phóng mặt bằng tại 401 Trường Chinh là 623.705.272 VND.

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại**

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(462.789.173)	(462.789.172)
	<u>(462.789.173)</u>	<u>(462.789.172)</u>

**6.10 Lãi trên cổ phiếu**

**6.10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.717.230.869	29.431.773.262
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(2.271.723.086)	(3.577.201.139)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>20.445.507.783</b>	<b>25.854.572.123</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.234.819	11.234.819
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.820</b>	<b>2.301</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.234.819	11.234.819
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>11.234.819</b>	<b>11.234.819</b>

**6.10.2 Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	843.988.529	1.485.199.079
Chi phí nhân công	27.866.928.971	39.694.772.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.302.373.341	9.431.097.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.182.785.863	14.931.252.053
Chi phí khác	8.792.711.269	12.482.853.678
	<u>65.988.787.973</u>	<u>78.025.175.299</u>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

#### 7.1 Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	518.357.634.525	402.545.890.121
	<u>518.357.634.525</u>	<u>402.545.890.121</u>

#### 7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	545.598.203.528	522.949.845.000
	<u>545.598.203.528</u>	<u>522.949.845.000</u>

### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

##### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

36

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi số như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 9 năm 2020</b>			
Các khoản vay và nợ	56.233.511.118	-	56.233.511.118
Phải trả người bán	20.577.229.157	-	20.577.229.157
Chi phí phải trả và phải trả khác	8.666.765.065	5.228.024.100	13.894.789.165
	<b>85.477.505.340</b>	<b>5.228.024.100</b>	<b>90.705.529.440</b>
<b>Ngày 30 tháng 9 năm 2019</b>			
Các khoản vay và nợ	83.474.080.121	-	83.474.080.121
Phải trả người bán	3.976.355.923	-	3.976.355.923
Chi phí phải trả và phải trả khác	7.963.154.309	5.490.424.100	13.453.578.409
	<b>95.413.590.353</b>	<b>5.490.424.100</b>	<b>100.904.014.453</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 5.733.239.700 VND và tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 là 5.966.639.700 VND.

**iv. Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2020 VND	Giá trị ghi sổ Ngày 30 tháng 9 năm 2019 VND	Ngày 30 tháng 9 năm 2020 VND	Giá trị hợp lý Ngày 30 tháng 9 năm 2019 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	6.468.798.041	8.015.204.655	6.468.798.041	8.015.204.655
<i>Đầu tư dài hạn</i>	6.358.040.000	6.546.000.000	6.358.040.000	6.546.000.000
<i>Các khoản phải thu khác</i>	357.589.039	222.287.672	357.589.039	222.287.672
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	169.294.455.006	160.705.634.726	169.294.455.006	160.705.634.726
<b>Tổng cộng</b>	<b>182.478.882.086</b>	<b>175.489.127.053</b>	<b>182.478.882.086</b>	<b>175.489.127.053</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	56.233.511.118	83.474.080.121	56.233.511.118	83.474.080.121
<i>Phải trả người bán</i>	20.577.229.157	3.976.355.923	20.577.229.157	3.976.355.923
<i>Chi phí phải trả và phải trả khác</i>	13.894.789.165	13.453.578.409	13.894.789.165	13.453.578.409
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.705.529.440</b>	<b>100.904.014.453</b>	<b>90.705.529.440</b>	<b>100.904.014.453</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác	1.682.328.789	1.427.758.104
Thù lao	766.689.600	899.600.000
	<b>2.449.018.389</b>	<b>2.327.358.104</b>

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Chia cổ tức	4.033.035.000	4.033.035.000
	<b>4.033.035.000</b>	<b>4.033.035.000</b>

*Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có số dư phải thu/ (phải trả) với các thành viên quản lý chủ chốt.

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Nội dung	Từ 01/10/2019 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 VND
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Bán hàng	167.003.090	175.019.245
	Mua hàng	792.345.836.369	1.151.283.649.994
	Chia cổ tức	17.275.902.000	17.275.902.000
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh	Mua hàng	3.588.863.636	-
	Chia cổ tức	6.779.124.000	6.779.124.000
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Bán hàng	32.940.600	39.031.638
	Mua hàng	6.783.069.171	7.865.336.250

**Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/09/2020 VND	01/10/2019 VND
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Phải thu thương mại	15.005.260	15.991.750
	Phải trả thương mại	(18.556.100.000)	(2.610.000.000)
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Phải thu thương mại	2.075.400	4.875.600
	Phải trả thương mại	(1.125.315.000)	(1.116.368.832)

**9.2 Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt; và
- Cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty trong năm như sau:

	Kinh doanh xăng, dầu, nhớt VND	Cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	893.483.931.128	18.600.989.321	912.084.920.449
Giá vốn hàng bán	820.635.981.948	1.000.285.605	821.636.267.553
Lợi nhuận gộp	72.847.949.180	17.600.703.716	90.448.652.896

**9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



**NGUYỄN TẤN NGHĨA**  
Người lập biểu



**PHẠM THỊ THU NGA**  
Kế toán trưởng



**PHAN NGỌC HÙNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2020